

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỦ ĐỨC
CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2025

Số: 1020 /BV-CDT

Thông báo mời thầu gói thầu mua sắm Mỹ phẩm
và thuốc cho Nhà thuốc Bệnh viện Đa khoa Thủ
Đức năm 2025

Kính gửi: Quý Công ty

Căn cứ Quyết định số 775/QĐ-BV ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc dự toán Mua sắm Mỹ phẩm và thuốc cho Nhà thuốc Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức năm 2025;

Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức thông báo mời thầu gói thầu mua sắm Mỹ phẩm và thuốc cho Nhà thuốc Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức năm 2025.

Kính mời Nhà thầu có trong danh sách tham gia gói thầu mua sắm Mỹ phẩm và thuốc cho Nhà thuốc Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức năm 2025 (Danh sách nhà thầu *theo Phụ lục đính kèm*).

Nhà thầu quan tâm và có nhu cầu tham gia đề nghị phúc đáp bằng văn bản và nhận 01 bộ Hồ sơ yêu cầu (HSYC) theo thời gian, địa chỉ sau:

- Thời gian nhận Hồ sơ yêu cầu: Phát hành Từ 9h00 ngày 31 tháng 10 năm 2025 đến 17h00 ngày 10 tháng 11 năm 2025;

- Địa điểm nhận Hồ sơ yêu cầu: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức – số 29 đường Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;

(Lưu ý cán bộ được cử nhận HSYC và nộp HSDX phải mang theo CCCD và Giấy giới thiệu của đại diện hợp pháp của Nhà thầu).

- Thời gian nhận Hồ sơ đề xuất: từ 9h00 ngày 31 tháng 10 năm 2025 đến trước thời điểm đóng thầu 17h00 ngày 10 tháng 11 năm 2025

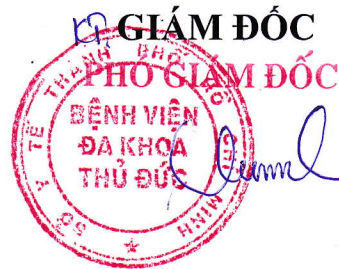
- Địa điểm nộp Hồ sơ đề xuất: Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của Chủ đầu tư Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức, địa chỉ số 29 đường Phú Châu, phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng phải bảo đảm Chủ đầu tư nhận được trước thời điểm đóng thầu 17h00 ngày 10 tháng 11 năm 2025

- Mọi thắc mắc liên hệ: Ông Ninh Thái Hoàng, Khoa Dược; SĐT: 0949639043.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, CĐT (K, 02)



TS.BS. Trần Nguyễn Ái Thanh



PHỤ LỤC

**DANH SÁCH NHÀ THẦU MỜI THẦU GÓI THẦU MUA SẴM MỸ PHẨM VÀ THUỐC CHO
NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỦ ĐỨC NĂM 2025**

(Đính kèm Công văn số 1020 /BV-CĐT ngày 31 tháng 10 năm 2025)

STT	TÊN NHÀ THẦU	GHI CHÚ
1	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BROTHER	
2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HTH	
3	CÔNG TY TNHH DƯỢC MỸ PHẨM CPR	
4	CÔNG TY TNHH DƯỢC MỸ PHẨM NHẬT HÙNG PHARMA	
5	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	
6	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG ĐIỀN	
7	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	
8	CÔNG TY TNHH NAM PHÚC	
9	CÔNG TY TNHH PICARE VIET NAM	
10	CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ ĐẠI CÁT Á	
11	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ĐAN THANH	
12	CTY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT NAM	



HỒ SƠ YÊU CẦU MUA SẮM HÀNG HÓA

Tên gói thầu:

**Gói thầu mua sắm Mỹ phẩm và thuốc cho
Nhà thuốc Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức năm
2025**

Dự toán mua sắm:

**Mua sắm Mỹ phẩm và thuốc cho Nhà thuốc
Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức năm 2025**

Phát hành ngày:

31 tháng 10 năm 2025

Ban hành kèm theo Quyết định:

881 /QĐ-BV ngày 29 tháng 10 năm 2025

Chủ đầu tư 
 **GIÁM ĐỐC**
TS.BS. Vũ Trí Thanh

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Từ ngữ viết tắt

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá HSDX

Chương III. Biểu mẫu

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương IV. Yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương V. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương VI. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương VII. Biểu mẫu hợp đồng

Phần 4. PHỤ LỤC



TỪ NGỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
HSDX	Hồ sơ đề xuất
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15)
Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
Thông tư số 79/2025/TT-BTC	Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 ngày 8 tháng 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
VNĐ	Đồng Việt Nam

Phần 1. THỦ TỤC MUA SẮM TRỰC TIẾP

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Chủ đầu tư Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức, địa chỉ số 29 đường Phú Châu, phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, mời nhà thầu nhận HSYC gói thầu mua sắm Mỹ phẩm và thuốc cho nhà thuốc Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức năm 2025 thuộc dự toán mua sắm Mỹ phẩm và nhà thuốc cho nhà thuốc Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức năm 2025.

2. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Nguồn tài chính hợp pháp năm 2025 và năm 2026 theo quy định của pháp luật của Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức.

3. Thời gian thực hiện gói thầu là: 12 tháng, được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hàng hóa (bao gồm cả dịch vụ liên quan (nếu có)), không bao gồm thời gian hoàn thành nghĩa vụ bảo hành.

Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

Hành vi bị cấm trong đấu thầu là hành vi quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

1. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại các điểm a, b, c, d, e và g khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

2. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại các điểm a, b khoản 2 và các điểm d, e khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

3. Nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu hàng hóa đổi mới sáng tạo của mình có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

Trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác thì phải tuân thủ quy định đó.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC

1. Trường hợp nhà thầu cần làm rõ HSYC, nhà thầu gửi văn bản đến Chủ đầu tư trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý.

2. Trường hợp Chủ đầu tư sửa đổi HSYC, Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà thầu. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC đến nhà thầu là 03 ngày, trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ khi tham dự thầu

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.

2. Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VNĐ.

3. HSDX cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSDX được viết

bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong HSĐX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).

Mục 6. Thành phần của HSĐX

HSĐX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn dự thầu theo Mẫu số 01A hoặc Mẫu số 01B Chương III;
2. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 Chương III;
3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, của người ký đơn dự thầu;
4. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan và theo quy định tại Mục 8 Chương này;
5. Đề xuất về giá theo các bảng giá dự thầu quy định tại Mẫu số 04 Chương III;

Mục 7. Giá dự thầu

1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSYC, kể cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Nhà thầu chào giá: Theo Mẫu 04 Chương III

3. Nhà thầu phải nộp HSĐX cho toàn bộ công việc được mô tả tại Chương IV và chào giá cho tất cả các công việc nêu trong bảng giá tương ứng quy định tại Chương III.

Mục 8. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa

1. Nhà thầu phải kê khai đầy đủ các thông tin của hàng hóa dự thầu tại Mẫu số 04 – Bảng giá dự thầu. Các thông tin kê khai phải phù hợp với thông tin của hàng hóa dự thầu tại Phụ lục – Danh mục yêu cầu mua sắm trực tiếp và thông tin trên Giấy phép lưu hành sản phẩm hoặc Giấy phép nhập khẩu.

2. Các thông tin phải phù hợp với thông tin về hàng hóa đã được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu được công bố trên trang Cổng thông tin một cửa quốc gia (địa chỉ: <https://vnsw.gov.vn>)

3. Nhà thầu phải nộp Giấy phép lưu hành sản phẩm hoặc Giấy phép nhập khẩu:

3.1. Hàng hóa dự thầu được coi là hợp lệ nếu được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam, cụ thể:

- a) Hàng hóa được cấp giấy đăng ký lưu hành còn hiệu lực tại Việt Nam.
- b) Hàng hóa tham dự thầu không bị thu hồi giấy đăng ký lưu hành theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật Dược.
- c) Hàng hóa tham dự thầu không có thông báo thu hồi theo quy định của pháp luật (trường hợp thu hồi một hoặc một số lô hàng hóa xác định thì các lô hàng hóa không bị thu hồi vẫn được phép lưu hành hợp pháp).

3.2. Thông báo trúng thầu (hoặc quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu) và hợp đồng nhà thầu đã ký kết của gói thầu mà Chủ đầu tư sử dụng kết quả để mua sắm trực tiếp, hợp đồng này phải thỏa các điều kiện như sau:

a) Điều kiện về thời hạn hợp đồng: thời hạn từ khi ký hợp đồng của gói thầu đó đến ngày phê duyệt kết quả mua sắm trực tiếp không quá 12 tháng.

b) Điều kiện về số lượng: số lượng của hàng hóa được yêu cầu trong Phụ lục của hồ sơ yêu cầu này nhỏ hơn 130% so với số lượng của hàng hóa trong hợp đồng của gói thầu sử dụng kết quả để mua sắm trực tiếp.

Lưu ý:

- Trường hợp nhà thầu trúng thầu theo kết quả mua sắm tập trung của Sở Y tế các tỉnh thì nhà thầu phải nộp hợp đồng đã ký với các bệnh viện thuộc Sở Y tế tỉnh đó đáp ứng các yêu cầu nêu trên. Nhà thầu có thể nộp hợp đồng của nhiều bệnh viện để đáp ứng điều kiện về số lượng như trên.

- Hợp đồng khung, văn bản thỏa thuận khung... theo kết quả của mua sắm tập trung của Sở Y tế các tỉnh không được chấp nhận.

Mục 9. Hiệu lực của HSDX

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX phải bảo đảm theo yêu cầu là 60 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, Chủ đầu tư có thể đề nghị nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.

Mục 10. Quy cách của HSDX và chữ ký trong HSDX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc và một bản chụp HSDX, ghi rõ "bản gốc" và "bản chụp" tương ứng. Nhà thầu cần ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên Chủ đầu tư bên ngoài túi đựng HSDX. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá.

2. Tất cả các thành phần của HSDX nêu tại Mục 6 Chương I phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo phân công trong thỏa thuận liên danh.

3. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.

Mục 11. Thời điểm đóng thầu và mở thầu

1. HSDX do nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của Chủ đầu tư Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức, địa chỉ số 29 đường Phú Châu, phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, file mềm nhà thầu nộp qua địa chỉ mail (hdnhathuoc.bvtpthuduc@gmail.com) nhưng phải bảo đảm Chủ đầu tư nhận được trước thời điểm đóng thầu: 17 giờ, ngày 10 tháng 11 năm 2025

2. Mở thầu: Chủ đầu tư tiến hành mở thầu bao gồm các nội dung sau

- a) Kiểm tra niêm phong;
- b) Mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin về tên nhà thầu:
 - Tham dự độc lập hay liên danh;
 - Số lượng bản gốc, bản chụp;
 - Giá dự thầu chào trong đơn dự thầu;
 - Giá trị giảm giá (nếu có);
 - Thời gian có hiệu lực của HSDX;
 - Thời gian thực hiện gói thầu;
 - Các thông tin khác liên quan.

Biên bản mở thầu bao gồm các thông tin quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của Chủ đầu tư và nhà thầu nộp HSDX. Biên bản này phải được gửi cho nhà thầu nộp HSDX. Đại diện của Chủ đầu tư phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có), thỏa thuận liên danh (nếu có), các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của từng HSDX.

Mục 12. Đánh giá HSDX và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II.
2. Trong quá trình đánh giá, Chủ đầu tư mời nhà thầu thương thảo về giá bảo đảm đáp ứng tỷ lệ tiết kiệm theo quy định của HSYC, thương thảo, làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung HSDX để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu và tỷ lệ tiết kiệm.

Mục 13. Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị mua sắm trực tiếp

Nhà thầu được đề nghị mua sắm trực tiếp khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX hợp lệ;
2. Có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSYC;
3. Có giá đề nghị trúng thầu (giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá) không vượt giá gói thầu được duyệt.

Mục 14. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, Chủ đầu tư đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho nhà thầu tham dự thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:

- a) Thông tin về gói thầu:
 - Tên gói thầu;

- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có);
- Tên Chủ đầu tư;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu;
- Loại hợp đồng;
- Thời gian thực hiện gói thầu

b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

- Tên nhà thầu;
- Mã số thuế (nếu có);
- Giá dự thầu;
- Giá trúng thầu;
- Thời gian thực hiện gói thầu;
- Thời gian thực hiện hợp đồng.

c) Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn.

Mục 15. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSYC. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong HSYC thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu và hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 16. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu được mua sắm trực tiếp phải cung cấp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC. Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải sử dụng Mẫu thư bảo lãnh trong HSYC này hoặc Mẫu thư bảo lãnh khác được Chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 17. Giải quyết kiến nghị

1. Đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu: Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu được kiến nghị người có thẩm quyền, Chủ đầu tư, Hội đồng giải quyết kiến nghị xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 89 Luật Đấu thầu và các Điều 137, 138 và 139 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

- Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Chủ đầu tư: ____ [ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, email];

- Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: ____ [ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, email];

- Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng giải quyết kiến nghị: ____ [ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, email].

BE
Đ
T
S

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSDX

1.1. Kiểm tra HSDX

- a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSDX theo quy định tại Mục 6 Chương I;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDX

HSDX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDX;
- b) Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSYC; không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;
- c) Hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 9 Chương I;
- d) Có thỏa thuận liên danh (trong trường hợp liên danh) được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu tại Mẫu số 04 Chương III hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này;
- đ) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I.
- e) Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 (đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu), nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDX của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại Mục này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu cụ thể. Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung quy định tại Bảng số 01 (đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) thì đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp hàng hóa đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VNĐ thì khi lập HSDX, nhà thầu phải quy đổi về VNĐ để làm cơ sở đánh giá HSDX.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 11A Chương III. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

Bảng số 01

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh	
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 ⁽²⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽³⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế ⁽⁴⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này
3	Năng lực tài chính				
3.1	Kết quả hoạt động tài chính ⁽⁵⁾	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 ⁽⁶⁾ năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là ____ ⁽⁷⁾ VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng

Mẫu số 10

Mẫu số 10

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh	
			Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
4	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ⁽⁸⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023⁽⁹⁾ đến thời điểm đóng thầu. Trong đó hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự: ⁽¹⁰⁾; - Đã hoàn thành có quy mô (giá trị) tối thiểu: ⁽¹¹⁾ VNĐ	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 07A

Ghi chú:

- (1) Nhà sản xuất được hiểu là doanh nghiệp/cơ sở sản xuất tự sản xuất ra hàng hóa hoặc tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa hoặc công ty con, công ty mẹ phụ trách việc phân phối, tiêu thụ hàng hóa do công ty mẹ, công ty con khác trong Tập đoàn, Tổng công ty sản xuất.
 - (2) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.
 - (3) Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:
 - Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
 - Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.
- Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa



trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(4) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc
- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

(Ví dụ: Ngày có thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(5) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ

ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

Ví dụ: Ngày có thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và HSYC yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2022.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(6) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của HSYC thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trường hợp doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của HSYC thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

Ví dụ 1: Ngày có thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và HSYC yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).

Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nếu thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(7) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là từ 1,5 đến 2.



b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,5.

(8) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(9) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là từ 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(10) Tương tự về tính chất: là hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực tổng quát (sản phẩm chăm sóc da, mỹ phẩm thông thường, được mỹ phẩm,...)

(11) Quy mô của hợp đồng tương tự: Được xác định bằng tổng các hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự tối thiểu bằng 70% giá trị các mặt hàng của các phần trong gói thầu mà nhà thầu tham dự. Đối với các gói thầu có tính chất đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị của hợp đồng trong khoảng từ 50% đến 70% giá trị của các phần trong gói thầu mà nhà thầu tham dự.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định áp dụng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”.

Bảng số 02

Bảng tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật

MỤC	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	Tiêu chuẩn kỹ thuật của hàng hóa	ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
1	Thông tin hàng hóa dự thầu tại Mẫu số 04 – Bảng giá dự thầu	Đạt yêu cầu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu	Không đạt yêu cầu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu
2	Thành phần, nồng độ, hàm lượng, đường dùng, dạng bào chế, đơn vị tính của hàng hóa dự thầu	Đúng theo danh mục yêu cầu mua sắm trực tiếp	Không đúng theo danh mục yêu cầu mua sắm trực tiếp
3	Hàng hóa tham dự thầu không bị thu hồi hoặc không có thông báo thu hồi	Đạt	Không đạt
4	Giấy đăng ký lưu hành do Bộ Y tế cấp hoặc có giấy phép nhập khẩu do Bộ Y tế cấp	Đạt	Không đạt
5	Thông báo (hoặc quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu) thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc đấu thầu hạn chế và hợp đồng nhà thầu đã ký kết mà Chủ đầu tư sử dụng kết quả để mua sắm trực tiếp theo quy định tại Mục 8 Chương I (bản sao công ty)	Đạt	Không đạt

6	Số lượng của hàng hóa được yêu cầu nhỏ hơn 130% so với số lượng của hàng hóa trong hợp đồng của gói thầu sử dụng kết quả để mua sắm trực tiếp	Đạt	Không đạt
7	Thời hạn từ khi ký hợp đồng của gói thầu trước đó đến ngày phê duyệt kết quả mua sắm trực tiếp không quá 12 tháng	Đạt	Không đạt
8	Bản cam kết đầy đủ, chính xác nội dung theo Mẫu số 5	Đạt	Không đạt
Đánh giá	Đáp ứng	Đạt cả 8 nội dung 1,2,3,4,5,6,7,8	
	Không đáp ứng		Không đạt ít nhất 1 trong 8 nội dung 1,2,3,4,5,6,7,8

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Xác định giá thấp nhất

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Điều 31 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).

Bảng số 03

MỤC	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
1	Giá dự thầu trong HSDX là đơn giá đã có thuế VAT và được tính bằng đồng Việt Nam	Đáp ứng nội dung yêu cầu	Không đáp ứng nội dung yêu cầu

2	Giá dự thầu trong HSĐX không được vượt quá đơn giá đã ký hợp đồng trước đó đồng thời không được vượt quá giá được phê duyệt trong danh mục hàng hóa yêu cầu mua sắm trực tiếp kèm theo HSYC mà Bệnh viện đã phát hành	Đáp ứng nội dung yêu cầu	Không đáp ứng nội dung yêu cầu
3	Giá dự thầu không được cao hơn giá kê khai hoặc kê khai lại đang còn hiệu lực trên trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược	Đáp ứng nội dung yêu cầu	Không đáp ứng nội dung yêu cầu
Đánh giá	Đáp ứng	Đạt cả 3 nội dung 1,2,3	
	Không đáp ứng		Không đạt ít nhất 1 trong 3 nội dung 1,2,3

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01A

ĐƠN DỰ THẦU

(Áp dụng đối với nhà thầu là tổ chức)

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _ [Ghi tên Chủ đầu tư]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số ____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [Ghi tên nhà thầu], có địa chỉ tại ____ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] cam kết thực hiện gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu] cùng với bảng giá dự thầu kèm theo. Thời gian thực hiện gói thầu là ____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ [Ghi ngày có thời điểm đóng thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu trúng thầu⁽²⁾.

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

7. Những thông tin kê khai trong HSDX là trung thực.

8. Trường hợp trúng thầu, HSDX và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

9. Nếu HSDX của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽¹⁾
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này. Trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

(2) HSYC không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này. Nội dung này chỉ yêu cầu nhà thầu cam kết trong Đơn này.

TRƯỜNG HỢP
ĐẠI DIỆN
HỢP PHÁP
CỦA NHÀ THẦU

ĐƠN DỰ THẦU

(Áp dụng đối với nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất hàng hóa đổi mới sáng tạo)

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [Ghi tên Chủ đầu tư]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu (bao gồm văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu, nếu có), chúng tôi, ____ [Ghi tên cá nhân và mã số thuế cá nhân; đối với nhà thầu là nhóm cá nhân thì ghi tên của các thành viên và mã số thuế theo Mẫu số 01C], cam kết thực hiện gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]. Thời gian thực hiện gói thầu là ____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu].

Hồ sơ đề xuất có hiệu lực là ____ ngày [Ghi số ngày], kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ [Ghi ngày có thời điểm đóng thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
2. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;
3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
5. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;
6. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, các thành viên trong nhóm cá nhân không bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho cá nhân (hoặc nhóm cá nhân trong đó có nhân sự vi phạm) trúng thầu ⁽²⁾.
7. Những thông tin kê khai trong HSDX là trung thực.
8. Trường hợp trúng thầu, HSDX và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.
9. Nếu HSDX của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC.
10. Có đủ năng lực sản xuất hàng hóa để thực hiện gói thầu.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽¹⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên]

Ghi chú:

(1) Cá nhân tham dự thầu phải ký đơn dự thầu. Đối với trường hợp nhóm cá nhân thì tất cả các thành viên trong nhóm hoặc thành viên được phân công theo Văn bản thỏa thuận ký đơn dự thầu.

(2) HSYC không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.



VĂN BẢN THỎA THUẬN*(Áp dụng đối với nhóm cá nhân sản xuất hàng hóa đổi mới sáng tạo)*

Ngày: ____ tháng ____ năm ____

Căn cứ HCYC của gói thầu: ____ [ghi tên gói thầu]

Chúng tôi gồm có:

Thành viên thứ nhất:

Họ và tên: _____

Số CCCD/Hộ chiếu: _____ Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____

Mã số thuế: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Thành viên thứ hai:

Họ và tên: _____

Số CCCD/Hộ chiếu: _____ Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____

Mã số thuế: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Thành viên thứ n:

Họ và tên: _____

Số CCCD/Hộ chiếu: _____ Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____

Mã số thuế: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết văn bản thỏa thuận thành lập nhóm cá nhân với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện thành lập nhóm cá nhân để tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do ____ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức.

2. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tham gia độc lập hoặc liên danh với cá nhân khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, các thành viên cùng ký hợp đồng và không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên

của nhóm từ chối hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong nhóm;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] như sau:

Phân công ____ [ghi tên cá nhân] làm thành viên đứng đầu nhóm, đại diện cho nhóm trong những phần việc sau:

[- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ HSDX hoặc văn bản đề nghị rút HSDX;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả nhóm;
- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

Điều 3. Hiệu lực của văn bản thỏa thuận

1. Văn bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Văn bản thỏa thuận chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
- Nhóm cá nhân không trúng thầu;
- Hủy thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo thông báo của Chủ đầu tư.

Văn bản thỏa thuận được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU NHÓM CÁ NHÂN [ký, ghi rõ họ tên]

CÁC THÀNH VIÊN THUỘC NHÓM CÁ NHÂN [ký, ghi rõ họ tên]

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc ____ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do ____ [*Ghi tên Chủ đầu tư*] tổ chức:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được mua sắm trực tiếp thầu.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên nhà thầu*]. ____ [*Ghi tên nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)*]

Người ủy quyền

[*Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư cùng với đơn dự thầu. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu và phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

THỎA THUẬN LIÊN DANH ⁽¹⁾

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc: _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm]

- Căn cứ⁽²⁾ [Luật Đấu thầu];- Căn cứ⁽²⁾ _____;

- Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] ngày _____ tháng _____ năm _____ [Ngày được ghi trên HSYC];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;

- Hình thức xử lý khác _____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất chịu trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng để thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm]

đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ *[Ghi tên một bên]* làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

*- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ *[Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)]*.*

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽⁴⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không được mua sắm trực tiếp;

- Hủy thầu gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc ____ *[Ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập thành ____ bản, mỗi bên giữ ____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH⁽⁵⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu tại Mẫu số 04 Chương này hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

(5) Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

BẢNG GIÁ DỰ THẦU
(Áp dụng với loại hợp đồng theo đơn giá)

Tên gói thầu:

Tên nhà thầu:

Tiêu chuẩn thực hành tốt của nhà thầu:

ST T	STT tên hàng hóa/ thành phần theo HSYC	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bảo ché	Quy cách đóng gói	Hạn dùng (Tuổi thọ)	Số tài liệu lưu hành (Số đăng ký hàng hóa, số lưu hành..)	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá dự thầu (VAT) (Bảng hoặc thấp hơn giá trung thầu trước đó)	Thành tiền	Giá kê khai/ kê khai lại	Thông tin theo kết quả trúng thầu tương tự trước đó			
																Số quyết định - Ngày ra quyết định	Số lượng trung thầu	Số hợp đồng - Ngày ký hợp đồng	Tên đơn vị trung thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
Tổng công giá dự thầu:(Bảng chữ:.....)																			

Ghi chú

- Các cột: (1), (2), (4), (5), (6), (12), (13) được trích xuất từ Danh mục yêu cầu mua sắm trực tiếp
- Các cột còn lại nhà thầu điền để hình thành giá dự thầu.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm ...

BẢN CAM KẾT**THUỘC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT**

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức

Sau khi nghiên cứu HSYC của gói thầu: Gói thầu mua sắm Mỹ phẩm và thuốc cho Nhà thuốc Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức năm 2025 thuộc dự toán: Mua sắm Mỹ phẩm và thuốc cho Nhà thuốc Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức năm 2025.

Chúng tôi, *[ghi tên nhà thầu]*, cam kết các nội dung như sau:

1. Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác và hợp pháp của HSDX. Các tài liệu cung cấp trong HSDX này đều chính xác, (kể cả tài liệu nộp thừa) nếu có dấu hiệu gian lận hoặc không trung thực thì HSDX xem như không hợp lệ.
2. Hạch toán tài chính độc lập.
3. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản.
4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của Hồ sơ yêu cầu.
5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.
6. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
7. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.
8. Có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược do cơ quan có thẩm quyền cấp với phạm vi kinh doanh là sản xuất hàng hóa hoặc bán buôn hàng hóa.
9. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

10. Cam kết về điều kiện giao hàng của nhà thầu:

- Cung ứng kịp thời, chính xác, đủ về số lượng hàng hóa trúng thầu, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng như đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền trong thời gian hiệu lực của hợp đồng. Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về điều kiện giao hàng tiến độ và phạm vi cung cấp nêu trong HSYC.
- Trong trường hợp giấy phép lưu hành hoặc Giấy phép nhập khẩu hay hồ sơ gia hạn hiệu lực số đăng ký của hàng hóa tham dự thầu bị hết hạn, nhà thầu đảm bảo sẽ cung cấp văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc tuân thủ theo đúng các quy định.
- Bảo quản và phân phối hàng hóa đảm bảo đúng yêu cầu quy định về GSP, GDP trong suốt quá trình vận chuyển tới kho của Bệnh viện.
- Về hạn sử dụng của hàng hóa tại thời điểm giao hàng: Hạn sử dụng còn lại của hàng hóa trúng thầu tính từ thời điểm hàng hóa cung ứng cho cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu còn 03 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 01 năm trở lên, 1/4 hạn dùng đối với hàng hóa có hạn dùng dưới 01 năm.
- Cam kết thu hồi hàng hóa vô điều kiện kể cả khi hợp đồng đã chấm dứt nếu hàng hóa đã giao không đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật như đã chào thầu, hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Bệnh viện. Nhà thầu chịu trách nhiệm hoàn trả chi phí hàng hóa đã thu hồi đồng thời đền bù mọi chi phí có liên quan.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm và bồi thường nếu có sự sai khác về tính chính xác của thông tin nêu trên./.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU ⁽¹⁾

Ngày: _____

Tên gói thầu: _____

Tên nhà thầu: *[ghi tên nhà thầu. Trong trường hợp liên danh, điền tên của từng thành viên]*

Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động:
[điền tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]

Năm thành lập công ty:

Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu *[tại nơi đăng ký]*:

Thông tin về đại diện ủy quyền của nhà thầu

Tên: _____

Địa chỉ: _____

Số điện thoại/fax: _____

Địa chỉ email: _____

1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp...

2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu.

Ghi chú:

(1) Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải kê khai theo Mẫu này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: ____ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*.

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng ⁽³⁾	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>		Tương đương ____ VNĐ
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VNĐ
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư] [ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng] [ghi địa chỉ e-mail]</i>		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương II⁽²⁾			
1. Loại hàng hóa	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>		
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>		
3. Về quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>		
4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>		

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSYC và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSYC. Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên).

Ghi chú:

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này. Trường hợp HSYC không yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá tương tự thì bỏ qua Bảng này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VNĐ thì quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương II để làm cơ sở đánh giá.

BẢNG TIỀN ĐỘ CUNG CẤP(*)

Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm	Ngày giao hàng		Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày Chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]
					Ngày giao hàng sớm nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày Chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]	Ngày giao hàng muộn nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày Chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
...							

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Cột (1) (2) (3)(4) (5) (6) (7): Chủ đầu tư điền.

Cột (8): Nhà thầu điền;

(*) Hàng hóa phải được giao trong khoảng thời gian quy định trong HSYC. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng sớm hơn ngày giao hàng sớm nhất thì không được tính ưu tiên và không bị loại. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng muộn hơn khoảng thời gian này thì HSDX của nhà thầu sẽ bị loại.

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP HÀNG HÓA, EPC, EP, PC, CHÌA KHÓA TRAO TAY KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương II

☐ Không có hoặc có 01 hợp đồng (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.

☐ Có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VNĐ)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ; trường hợp Chủ đầu tư, tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và HSDX của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

	Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ____ tháng ____ đến ngày ____ tháng ____ (nhà thầu điền nội dung này)		
	Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSYC		
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) ⁽²⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSYC/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSYC thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ

sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Nhà thầu phải nộp các tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY, CÔNG TY THÀNH VIÊN
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên ⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu ⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu ⁽⁴⁾	Ghi chú
1				
2				
3				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại bảng này. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương IV. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT CỦA HÀNG HÓA

Mục 1. Phạm vi và tiến độ cung cấp

1.1 Phạm vi cung cấp

Theo danh mục yêu cầu mua sắm trực tiếp tại Phụ lục.

1.2 Biểu tiến độ cung cấp

BIỂU TIẾN ĐỘ CUNG CẤP

Hàng hóa giao phải đầy đủ số lượng của HSYC, cung ứng đầy đủ và kịp thời số lượng hàng hóa trúng thầu theo nhu cầu sử dụng của Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức và theo đúng các thông tin, tiêu chuẩn như đã cung cấp trong HSDX.

Hàng hóa phải được giao theo từng đơn hàng của Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức trong vòng 24h kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức.

Nhà thầu phải giao hàng theo quy định trong các hợp đồng mua bán ký kết với Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức.

Nhà thầu phải đảm bảo cung cấp hàng hóa theo thời hạn hợp đồng đã ký kết với Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức.

Nhà thầu thể hiện theo mẫu cam kết (Mẫu số 05)

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về mặt kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

2.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

Tên gói thầu: Gói thầu mua sắm Mỹ phẩm và thuốc cho Nhà thuốc Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức năm 2025.

Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức

Địa chỉ: Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nội dung cung cấp chủ yếu: Theo danh mục yêu cầu mua sắm trực tiếp tại Phụ lục.

Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2.2. Yêu cầu về kỹ thuật

- Hàng hóa phải đạt tiêu chuẩn chất lượng đã được Bộ Y tế cho phép lưu hành

- Hàng hóa phải đúng yêu cầu theo danh mục yêu cầu mua sắm trực tiếp đính kèm trong HSYC (Phụ lục)

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương V. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại ĐKCT; 1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo; 1.3. “Nhà thầu” là Nhà thầu trúng thầu (có thể là Nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại ĐKCT; 1.4. “Tài liệu Hợp đồng” nghĩa là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng; 1.5. “Giá hợp đồng” là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có); 1.6. “Ngày” là ngày dương lịch; tháng là tháng dương lịch; 1.7. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng; 1.8. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại ĐKCT.
2. Thứ tự ưu tiên	Các tài liệu cấu thành hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây: 2.1. Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; 2.2. Thư chấp thuận HSDX và trao hợp đồng; 2.3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; 2.4. ĐKCT; 2.5. ĐKC; 2.6. HSDX và các văn bản làm rõ HSDX của Nhà thầu; 2.7. HSYC và các tài liệu sửa đổi HSYC (nếu có); 2.8. Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT.
3. Luật và ngôn ngữ	Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
4. Ủy quyền	Trừ khi có quy định khác nêu tại ĐKCT, Chủ đầu tư có thể ủy quyền thực hiện bất kỳ trách nhiệm nào của mình cho người khác, sau khi thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu và có thể rút lại quyết định ủy quyền sau khi đã thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu.

5. Thông báo	5.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại ĐKCT. 5.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.
6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	6.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận HSDX và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng theo hình thức, giá trị và hiệu lực quy định tại ĐKCT. 6.2. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại ĐKCT.
7. Nhà thầu phụ	Không áp dụng
8. Giải quyết tranh chấp	8.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. 8.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định quy định tại ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại ĐKCT.
9. Phạm vi cung cấp	Hàng hóa phải được cung cấp theo quy định tại Chương IV - Phạm vi cung cấp và được đính kèm thành Phụ lục bảng giá hợp đồng và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại hàng hóa mà nhà thầu phải cung cấp cùng với đơn giá của các loại hàng hóa đó.
10. Tiến độ cung cấp hàng hóa lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ	Tiến độ cung cấp hàng hóa phải được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương IV - Phạm vi cung cấp. Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn và/hoặc các chứng từ tài liệu khác theo quy định tại ĐKCT .
11. Trách nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ hàng hóa trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 9 ĐKC và theo tiến độ cung cấp hàng hóa và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 10 ĐKC.
12. Loại hợp đồng	Loại hợp đồng: theo quy định tại ĐKCT .

13. Giá hợp đồng	13.1. Giá hợp đồng được ghi tại ĐKCT là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có). 13.2. Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm phạm vi cung cấp và thành tiền của các hạng mục.
14. Điều chỉnh thuế	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại ĐKCT .
15. Thanh toán	15.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại ĐKCT. Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VNĐ. 15.2. Đồng tiền thanh toán là: VNĐ.
16. Bảo quyền	Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Nhà thầu đã cung cấp cho Chủ đầu tư.
17. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	17.1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cũng như đặc tính kỹ thuật, thông tin do Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư đưa ra cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc Nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này. 17.2. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được sử dụng bất cứ thông tin hoặc tài liệu nào nêu trong Mục 17.1 ĐKC vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện hợp đồng. 17.3. Các tài liệu quy định tại Mục 17.1 ĐKC thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư. Khi Chủ đầu tư có yêu cầu, Nhà thầu phải trả lại cho Chủ đầu tư các tài liệu này (bao gồm cả các bản chụp) sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.
18. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn	Hàng hóa được cung cấp theo Hợp đồng này sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đề cập ở Mục 2 Chương IV - Phạm vi cung cấp.

19. Đóng gói hàng hóa	Nhà thầu sẽ phải đóng gói hàng hóa đúng yêu cầu quy định tại ĐKCT phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển hàng hóa từ nơi xuất hàng hóa đến địa điểm giao hàng hóa quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm hàng hóa không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng hóa đến địa điểm giao hàng hóa quy định.
20. Bảo hiểm	Hàng hóa cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo những nội dung được quy định tại ĐKCT .
21. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh	Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa và các yêu cầu khác quy định tại ĐKCT
22. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa	22.1. Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Nội dung, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm được quy định tại ĐKCT. 22.2. Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối.
23. Bồi thường thiệt hại	Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 25 ĐKC , hoặc trừ trường hợp do Chủ đầu tư không thanh toán theo đúng quy định dẫn tới ảnh hưởng nguồn tiền của Nhà thầu, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng với % giá trị công việc chậm thực hiện như quy định tại ĐKCT tính cho mỗi tuần chậm thực hiện hoặc khoảng thời gian khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến % tối đa như quy định tại ĐKCT . Khi đạt đến mức tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 28 ĐKC .
24. Yêu cầu chất lượng và hạn sử dụng hàng hóa	24.1. Nhà thầu bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn đã cấp phép lưu hành và bảo đảm còn hạn sử dụng, trừ khi có quy định khác nêu tại ĐKCT . Ngoài ra, nhà thầu cũng phải bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng sẽ không có các khuyết tật nảy sinh có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của hàng hóa

	25.2. Yêu cầu về hạn sử dụng đối với hàng hóa quy định tại ĐKCT .
25. Bất khả kháng	25.1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch. 25.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trong khoảng thời gian không thể thực hiện hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Nhà thầu theo hướng dẫn của Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư phải xem xét để bồi hoàn cho Nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu. 25.3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 8 ĐKC.
26. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng	26.1 Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: a) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói; b) Thay đổi địa điểm giao hàng; c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng; d) Thay đổi hàng hóa trúng thầu; đ) Các nội dung khác quy định tại ĐKCT. 26.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.
27. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng	Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây:

	27.1. Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; 27.2. Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng; 27.3. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định; 27.4. Các trường hợp khác quy định tại ĐKCT.
28. Chấm dứt hợp đồng	28.1. Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau: a) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn; b) Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập; c) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15 trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng; d) Các hành vi khác quy định tại ĐKCT. 28.2. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 28.1 ĐKC, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. 28.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng theo điểm b Mục 28.1 ĐKC, Chủ đầu tư không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.



Chương VI. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

ĐKC 1.1	Chủ đầu tư là: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức
ĐKC 1.3	Nhà thầu: ____ <i>[ghi tên Nhà thầu trúng thầu]</i> .
ĐKC 1.9	Địa điểm Dự án/ Điểm giao hàng cuối cùng là: Khoa Dược, số 29 Phú Châu, phường Tam Bình, thành phố Hồ Chí Minh
ĐKC 2.8	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: 1. Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; 2. Thư chấp thuận HSDX và trao hợp đồng; 3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; 4. ĐKCT; 5. ĐKC; 6. HSDX và các văn bản làm rõ HSDX của Nhà thầu; 7. HSYC và các tài liệu sửa đổi HSYC (nếu có); 8. Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT.
ĐKC 4	Chủ đầu tư có thể ủy quyền các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình cho người khác.
ĐKC 5.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: Người nhận: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức. Địa chỉ: số 29 Phú Châu, phường Tam Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: (028) 22177129 Địa chỉ email: benhviendakhoathuduc2025@gmail.com
ĐKC 6.1	- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Nhà thầu cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc theo hình thức đặt cọc bằng Séc. Trường hợp Nhà thầu nộp Thư bảo lãnh của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành thì phải là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu, theo Mẫu số 14 Chương VII-Biểu mẫu hợp đồng). - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% Giá hợp đồng - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến sau 30 ngày kể từ ngày hết hiệu lực của hợp đồng.

ĐKC 6.2	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: 30 ngày tính từ ngày hết hiệu lực bảo đảm thực hiện hợp đồng.
ĐKC 7.1	Danh sách nhà thầu phụ: Không áp dụng.
ĐKC 7.3	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Không áp dụng.
ĐKC 8.2	- Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày kể từ ngày gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp - Giải quyết tranh chấp: Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa tranh chấp ra Tòa án các cấp có thẩm quyền để yêu cầu giải quyết theo quy định hiện hành. Mọi chi phí để giải quyết tranh chấp tại Tòa sẽ do bên thua kiện chịu trách nhiệm chi trả.
ĐKC 10	Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây về việc vận chuyển hàng hóa: Hóa đơn hàng hóa, Phiếu kiểm nghiệm cho từng lô hàng theo quy định (nếu cần), Biên bản giao nhận. Chủ đầu tư phải nhận được các tài liệu chứng từ nói trên trước khi hàng hóa đến nơi, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ chi phí nào phát sinh do việc này. Nhà thầu cam kết phiếu kiểm nghiệm cho từng lô hàng đạt yêu cầu chất lượng theo đúng hồ sơ đăng ký hàng hóa đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
ĐKC 12	Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định
ĐKC 13.1	Giá hợp đồng: ___ [ghi giá hợp đồng theo giá trị nêu trong Thư chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng].
ĐKC 14	Điều chỉnh thuế: Không được phép
ĐKC 15.1	- Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản, chia thành nhiều lần trong quá trình thực hiện hợp đồng hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng. - Điều kiện thanh toán: Hàng hóa được xem là đủ điều kiện thanh toán khi đã được giao cho bên mua, được kiểm tra đạt chất lượng và được cung cấp đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ. - Thời hạn thanh toán: Trong vòng 90 ngày nhất định kể từ khi Nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo đúng quy định của pháp luật và thuộc trách nhiệm của Nhà thầu.
ĐKC 19	Đóng gói hàng hóa: - Hàng hóa phải được đóng gói, bảo quản theo đúng quy cách và yêu cầu của nhà sản xuất theo đúng danh mục ghi trong hợp đồng;

	- Hàng hóa phải được đóng gói theo đúng yêu cầu (nguyên đai, kiện, hộp đối với hàng chẵn kiện); còn nguyên nhãn, mác (không được cạo, sửa, tẩy xóa) để tránh hư hỏng, nhầm lẫn trong quá trình vận chuyển đến địa chỉ giao nhận cuối cùng như đã nêu trong hợp đồng; - Với các hàng hóa lẻ (không đủ điều kiện đóng thùng), nhà thầu cần đóng gói theo đúng các nguyên tắc GDP khi giao nhận, vận chuyển.
ĐKC 20	Nội dung bảo hiểm: Nhà thầu có thể mua bảo hiểm cho hàng hóa được cung ứng theo hợp đồng để được bảo hiểm đầy đủ, bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, bảo quản và giao hàng.
ĐKC 21	- Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: Hàng hóa phải được giao đến điểm giao hàng cuối cùng theo quy định tại ĐKC 1.9 - Các yêu cầu khác: Hàng hóa phải được bảo quản đúng điều kiện bảo quản theo yêu cầu của nhà sản xuất trong suốt quá trình vận chuyển, giao hàng và các quy định Thực hành tốt phân phối hàng hóa.
ĐKC 22.1	Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: - Tất cả các mặt hàng hàng hóa do nhà thầu cung cấp theo hợp đồng mua bán hàng hóa với bệnh viện phải được kiểm tra trước khi đưa vào sử dụng. - Nội dung kiểm tra: Kiểm tra từng mặt hàng về chủng loại, số lượng, cảm quan chất lượng; hạn dùng; số đăng ký; thông tin theo quyết định trúng thầu...theo quy định về chuyên môn được và các yêu cầu liên quan đến đặc tính kỹ thuật của hàng hóa nêu trong hợp đồng. - Địa điểm: Kho của bên mua. - Cách thức tiến hành kiểm tra: theo quy định về kiểm nhập hàng hóa hiện hành
ĐKC 23	Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa là: 100% giá trị thiệt hại Mức khấu trừ: 0,1% giá trị trúng thầu bị vi phạm cho mỗi ngày chậm tiếp nhận. Mức khấu trừ tối đa: 8 % giá trị vi phạm
ĐKC 24.1	Nội dung yêu cầu bảo đảm khác đối với hàng hóa: Không yêu cầu
ĐKC 24.2	Yêu cầu về chất lượng và hạn sử dụng: - Đảm bảo còn hạn sử dụng: Hạn sử dụng còn lại của hàng hóa trúng thầu tính đến thời điểm hàng hóa cung ứng cho cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu 03 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 01 năm trở lên; 1/4 hạn dùng đối với hàng hóa có hạn dùng dưới 01 năm. Trong trường hợp hạn sử dụng của hàng hóa không đáp ứng yêu cầu nêu

	trên, để bảo đảm có hàng hóa phục vụ nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh, căn cứ tình hình thực tế, Chủ đầu tư quyết định hạn sử dụng còn lại của hàng hóa trúng thầu tính đến thời điểm hàng hóa cung ứng cho cơ sở y tế và không được yêu cầu cao hơn quy định nêu trên nhưng phải đảm bảo còn hạn sử dụng khi sử dụng hàng hóa cho bệnh nhân. - Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh, hàng hóa kém chất lượng, phản ứng có hại của hàng hóa phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa: + Chủ đầu tư hoặc bên mua thông báo cho Nhà thầu về các hư hỏng, khuyết tật, hàng hóa kém chất lượng, phản ứng có hại của hàng hóa phát sinh thời gian sớm nhất kể từ khi phát hiện nhưng tối đa không quá 15 ngày làm việc; + Nhà thầu phải tiến hành khắc phục các hư hỏng, khuyết tật, hàng hóa kém chất lượng, phản ứng có hại của hàng hóa sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư trong vòng 48 giờ; Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí cho việc khắc phục các hư hỏng, hàng hóa kém chất lượng, phản ứng có hại của hàng hóa
ĐKC 26.1 (d)	Các nội dung, khác về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng: 1. Trường hợp hàng hóa dự thầu có thay đổi trong quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc cung ứng hàng hóa trúng thầu nhưng hàng hóa thay thế chưa được chào trong HSYC, Chủ đầu tư được xem xét để nhà thầu thay thế hàng hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu hàng hóa tại cơ sở y tế công lập. 2. Trường hợp nhà thầu tự nguyện điều chỉnh giảm giá hàng hóa đã trúng thầu.
ĐKC 27.4	Các trường hợp khác: Không áp dụng
ĐKC 28.1(d)	Các hành vi khác: Không áp dụng

Chương VII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

Mẫu số 12. Thư chấp thuận HSDX và trao hợp đồng

Mẫu số 13. Hợp đồng

Mẫu số 14. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

THƯ CHẤP THUẬN HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu, sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”]*

Về việc: *Thông báo chấp thuận Hồ sơ đề xuất và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư *[ghi tên Chủ đầu tư, sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”]* về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: ____ *[ghi tên, số hiệu gói thầu]*, Chủ đầu tư xin thông báo Chủ đầu tư đã chấp thuận Hồ sơ đề xuất và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu ____ *[ghi tên, số hiệu gói thầu]*. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì ghi tên, số hiệu của phần mà Nhà thầu được lựa chọn với giá hợp đồng là: ____ *[ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]* với thời gian thực hiện hợp đồng là: ____ *[ghi thời gian thực hiện hợp đồng trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]*.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ *[ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng]*, tại địa điểm ____ *[ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng]*;
- Thời gian ký kết hợp đồng: ____ *[ghi thời gian ký kết hợp đồng]*; tại địa điểm ____ *[ghi địa điểm ký kết hợp đồng]*, gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 14 Chương VII - Biểu mẫu hợp đồng của HSYC với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ *[ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 6.1 ĐKCT của HSYC]*.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó Nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của Nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của HSYC. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____ (1) mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

....., ngày ... tháng ... năm

Đại diện hợp pháp của Chủ đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Tài liệu đính kèm: Dự thảo hợp đồng

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu thư bảo lãnh dự thầu.

HỢP ĐỒNG (1)

, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số:

Gói thầu: ____ [ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: ____ [ghi tên dự án]

- Căn cứ (2) ____ (Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội);
- Căn cứ (2) ____ (Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 của Quốc hội);
- Căn cứ (2) ____ (Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu);
- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu [ghi tên gói thầu] và thông báo chấp thuận Hồ sơ đề xuất và trao hợp đồng hoặc trao thảo thuận khung số ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư;
- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và Nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____ (nếu có);

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư [ghi tên Chủ đầu tư]:

Tên Chủ đầu tư [ghi tên chủ đầu tư]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên Nhà thầu: ____ [ghi tên Nhà thầu trúng thầu]:

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
5. Điều kiện chung của hợp đồng;
6. HSDX và các văn bản làm rõ HSDX của Nhà thầu trúng thầu (nếu có);
7. HSYC và các tài liệu sửa đổi HSYC (nếu có);
8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A⁽³⁾

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định trong điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng. Trường hợp Bên A chậm thanh toán so với thời hạn quy định tại Hợp đồng, Bên A sẽ phải chịu mức lãi suất Ngân hàng Nhà nước tương ứng với số ngày chậm thanh toán.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B⁽³⁾

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].
2. Phương thức thanh toán: [ghi phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 16.1 Điều kiện cụ thể của hợp đồng của HSYC].

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng:

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: [ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 10 ĐKC, HSYC và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ [ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].
 2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.
- Hợp đồng được lập thành bộ, Chủ đầu tư giữ bộ, Nhà thầu giữ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ
THẦU**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ
ĐẦU TƯ**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với ĐKCT.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Hợp đồng phải quy định rõ các điều khoản về trách nhiệm giữa nhà thầu và cơ sở y tế về việc không giao hàng đúng tiến độ, số lượng và việc thanh toán không đúng hạn, sử dụng hàng hóa không đúng quy định tại khoản 5 Điều 15 Thông tư này theo hợp đồng đã ký kết giữa nhà thầu và cơ sở y tế.]

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số , ngày tháng năm)

Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu nêu trong HSYC, HSYC và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc. Giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc đã bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

STT	Tên hàng hóa	Tên hoạt chất/Tên thành phần của hàng hóa	Nồng độ/hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐ KLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (có VAT)
1												
2												
3												
...												
Tổng cộng giá hợp đồng												
<i>(Kết chuyển sang Điều 5 hợp đồng)</i>												

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

Số:

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [ghi tên cơ sở y tế ký hợp đồng]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong HSYC (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [ghi tên của ngân hàng] ở [ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại ____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 6.1 ĐKCT của HSYC]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____
(4).

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số ____ [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 6.1 ĐKCT.

PHẦN 4 PHỤ LỤC: DANH MỤC YÊU CẦU MUA SẮM TRỰC TIẾP

Gói thầu mua sắm Mỹ phẩm và thuốc cho Nhà thuốc Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức năm 2025 thuộc dự toán Mua sắm mỹ phẩm và thuốc cho Nhà thuốc Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức năm 2025

STT	Tên hàng hóa/ Thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Sodium palmitate + Sodium palm kernelate + Aqua + Sulfur + Salicylic acid + Lauryl glucoside + Fragrance + Glycerin + Sodium chloride + propylene glycol + Cocos Nucifera oil + allantoin + Sesamum indicum seed oil + cucumis sativus extract + phenoxyethanol + benzoic acid + dehydroacetic acid + edidronic acid + EDTA		Dùng ngoài	Xà phòng	Bánh	250	93.273	23.318.250	
2	Water + cocamidopropyl Betaine+ Sodium Lauryl Sulfate + Ammonium Lauryl Sulfate + Lauramide MEA + Caramel + Propywaterium-10 + 1,2 - Hexanediol + Allantoin +Climbazole + Sodium Benzoate +Salicylic Acid +Selenium Seulfide + Disodium EDTA +Butylene Glycol + Phenoxyethanol		Dùng ngoài	Dầu gội	Chai	250	186.545	46.636.250	
3	27 thành phần: Aqua + Sodium Laureth Sulfate + Glycerin + Cocamidopropyl Betaine + Cocoglucoside + Sodium Chloride + Undecylenamidopropyltrimonium Methosulfate + Lactic Acid + Glyceryl Oleate + Parfum + DMDM Hydantoin + Panthenol + Propylene Glycol + Disodium EDTA + Citric Acid + Magnesium Nitrate + Alpha-Glucan Oligosaccharide + Sodium Benzoate + Iodopropynyl Butylcarbamate + Polymnia Sonchifolia Root Juice + Maltodextrin + Magnesium Chloride + Methylisothiazolinone + Tocopherol + Hydrogenated Palm Glycerides Citrate + Lactobacillus	27 thành phần: Aqua (86.4248%) + Sodium Laureth Sulfate (4%) + Glycerin (3%) + Cocamidopropyl Betaine (1.72%) + Cocoglucoside (1.4%) + Sodium Chloride (1.3%) + Undecylenamidopropyltrimonium Methosulfate (0.49%) + Lactic Acid (0.48%) + Glyceryl Oleate (0.4%) + Parfum (0.35%) + DMDM Hydantoin (0.14%) + Panthenol (0.1%) + Propylene Glycol (0.06%) + Disodium EDTA (0.05%) + Citric Acid (0.05%) + Magnesium Nitrate (0.0125%) + Alpha-Glucan Oligosaccharide (0.007%) + Sodium Benzoate (0.006%) + Iodopropynyl Butylcarbamate (0.005%) + Polymnia Sonchifolia Root Juice (0.0019%) + Maltodextrin (0.001%) + Methylchloroisothiazolinone (0.000675%) + Magnesium Chloride (0.0005%) + Methylisothiazolinone (0.000225%) + Tocopherol (0.0002%) + Hydrogenated Palm Glycerides Citrate (0.0001%) + Lactobacillus (0.0001%)	Dùng ngoài	Dung dịch	Chai	250	164.945	41.236.250	

STT	Tên hàng hóa/ Thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
4	19 thành phần: Cocamidopropyl Betaine, Decyl Glucoside, Coco-Glucoside, Sodium C14-16 Olefin Sulfonate, Glyceryl Oleate, Linum Usitatissimum Seed Extract, Allantoin, Tocopherol, Hydrogenated Vegetable Glycerides Citrate, Aqua, Propylene Glycol, Acrylates/C10-30 Alkyl Acrylate Crosspolymer, Sodium Hydroxide, Citric Acid, Disodium EDTA, Hydroxyacetophenone, Phenoxyethanol, Sodium Benzoate, Ethylhexylglycerin	19 thành phần: Aqua (84.1244%) + Cocamidopropyl Betaine (6%) + Propylene Glycol (3.5%) + Decyl Glucoside (1.8%) + Sodium C14-16 Olefin Sulfonate (0.8%) + Glyceryl Oleate (0.8%) + Coco-Glucoside (0.8%) + Phenoxyethanol (0.501%) + Hydroxyacetophenone (0.5%) + Acrylates/C10-30 Alkyl Acrylate Crosspolymer (0.43%) + Allantoin (0.198%) + Sodium Hydroxide (0.195%) + Linum Usitatissimum Seed Extract (0.1%) + Disodium EDTA (0.1%) + Citric Acid (0.1%) + Sodium Benzoate (0.05%) + Ethylhexylglycerin (0.001%) + Tocopherol (0.0004%) + Hydrogenated Vegetable Glycerides Citrate (0.0002%)	Dùng ngoài	Gel	Chai	250	164.945	41.236.250	
5	Aqua + Glycolic Acid + Propylene Glycol + PEG-40 Hydrogenated Castor Oil + Salicylic Acid + Niacinamide + Sodium Hydroxide + Phenoxyethanol + Ethylhexylglycerin + Allantoin + Alpha-Arbutin + Menthol + Camellia Sinensis Extract + Parfum + Centella Asiatica Extract + Glycyrrhiza Glabra Root Extract + Olea Europaea Fruit Oil	Aqua + (5%) + (3%) + (2,34%) + (2%) + (2%) + (1%) + (0,72%) + (0,08%) + (0,5%) + (0,2%) + (0,1%) + (0,1%) + Parfum + (0,1%) + (0,1%) + (0,1%)	Ngoài da	Dung dịch	Chai	250	339.000	84.750.000	
6	Aqua + Glycolic Acid + Propylene Glycol + PEG-40 Hydrogenated Castor Oil + Salicylic Acid + Niacinamide + Sodium Hydroxide + Phenoxyethanol + Ethylhexylglycerin + Allantoin + Alpha-Arbutin + Menthol + Camellia Sinensis Extract + Parfum + Centella Asiatica Extract + Glycyrrhiza Glabra Root Extract + Olea Europaea Fruit Oil	Aqua + (5%) + (3%) + (2,34%) + (2%) + (2%) + (1%) + (0,72%) + (0,08%) + (0,5%) + (0,2%) + (0,1%) + (0,1%) + Parfum + (0,1%) + (0,1%) + (0,1%)	Ngoài da	Dung dịch	Chai	250	379.000	94.750.000	

STT	Tên hàng hóa/ Thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
7	Water + Butylene Glycol + Alpha-arbutin + Tranexamic Acid + Niacinamide + Betaine + Glycerol + Glyceryl Glucoside + Tocopheryl Acetate + Sorbitan Sesquileate + 1,2- Hexanediol + Allantoin + PEG-60 Hydrogenated Castor Oil + Disodium EDTA + Sodium Hyaluronate + Glucose + Ascorbic Acid + Snail Secretion Filtrate + Fragrance + Carbomer + Arginine + Chlorphenesin + Laminaria Japonica Extract + Ficus Carica (Fig) Fruit Extract + Aloe Barbadensis Leaf Extract + Morus Alba Root Extract + Polyglyceryl -10 Laurate + Acetyl Hexapeptide-8 + Acetyl Octapeptide-3 + Dipeptide-1 + Tripeptide-2 + Palmitoyl Dipeptide-7 + Dipeptide -4	(81,0214905%) + (6,637%) + (5%) + (3%) + (2%) + (0,5%) + (0,39%) + (0,191%) + (0,1%) + (0,1%) + (0,0764%) + (0,05%) + (0,05%) + (0,02%) + (0,01%) + (0,01%) + (0,01%) + (0,008%) + (0,006%) + (0,3%) + (0,3%) + (0,2%) + (0,005%) + (0,005%) + (0,005%) + (0,005%) + (0,00001%) + (0,000005%) + (0,000001%) + (0,000001%) + (0,000001%) + (0,0000005%)	Ngoài da	Serum	Chai	250	649.000	162.250.000	
8	Aqua + Niacinamide + Polysorbate 80 + Tocopherol + Butylene Glycol + Propylene Glycol + Snail Secretion Filtrate + Dimethicone + Phenoxyethanol + Safflower Extract (Carthamus Tinctorius) + Aloe Barbadensis Leaf Extract + Acrylates/C10-30 Alky Acrylate Crosspolymer + Allantoin + Panthenol + Laminaria Japonica Extract + Ficus Carica (Fig) Fruit Extract + Acetyl Hexapeptide-8 + Palmitoyl Pentapeptide-4 + Palmitoyl Dipeptide-10 + Hyaluronic Acid + sh-Oilgopeptide-1 + Glycine Soja (Soybean) Extract + Ginkgo Biloba Leaf Extract + Dipotassium Glycyrrhizate + Menthol	(81,34%) + (5%) + (2,5%) + (1,25%) + (1%) + (1%) + (0,8%) + (0,8%) + (0,8%) + (0,6%) + (0,5%) + (0,35%) + (0,3%) + (0,3%) + (0,2%) + (0,2%) + (0,2%) + (0,2%) + (0,2%) + (0,1%) + (0,1%) + (0,1%) + (0,04%) + (0,02%)	Ngoài da	Cream	Chai	10	2.490.000	24.900.000	

STT	Tên hàng hóa/ Thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
9	Kem dưỡng da giúp cung cấp dưỡng chất dưỡng ẩm cho da, giữ ẩm cho da giúp cải thiện tình trạng da khô, thô ráp, mang lại làn da mềm mại và mịn màng	Water, Glycerin, Methylpropanediol, Hydrogenated Poly (C6-14 Olefin), Dimethicone, Caprylic/Capric Triglyceride, Betaine, Neopentyl Glycol Diheptanoate, Cyclopentasiloxane, Niacinamide, Polyglyceryl-3 Methylglucose Distearate, Dioscorea Japonica Root Extract, Cetyl Alcohol, Saccharomyces Ferment Filtrate, 1,2-Hexanediol, Pentaerythrityl Distearate, Arctium Lappa Root Extract, Phellinus Linteus Extract 19 Phenoxylethanol 0,4%, Beta-Glucan, Polysorbate 20, Hydrogenated Polyisobutene, Squalane, Polyisobutene, Alcohol, Centella Asiatica Extract, Ficus Carica (Fig) Fruit Extract, Hydrogenated Lecithin, Argania Spinosa Kernel Oil, Isononyl Isononanoate, Polyglyceryl-10 Stearate, Camellia Japonica Flower Extract, Ethylhexylglycerin 0,1%, Polyquaternium-51, Tocopheryl Acetate, Fucus Vesiculosus Extract, Prunella Vulgaris Extract, Lepidium Meyenii Root Extract, Glycosyl Trehalose, Butyrospermum Parkii (Shea) Butter, Cetearyl Alcohol, Polyglyceryl-2 Dipolyhydroxystearate, Stearic Acid 0,08%, Camellia Sinensis Leaf Water, Allantoin, Hydrogenated Starch Hydrolysate, Sodium Stearoyl Glutamate 0,05%, Adenosine, Biosaccharide Gum-1, Raffinose, Disodium Edta, Sodium Hyaluronate, Sorbitan Isostearate, Lecithin, Glyceryl Stearate, Peg-100 Stearate, Polyacrylate-13, Inulin Lauryl Carbamate, Madecassoside, Hydrogenated Phosphatidylcholine, Brassica Campestris (Rapeseed) Sterols, Isostearyl Isostearate, Ceramide Np, Disodium Stearoyl Glutamate 0,01%, Polyglyceryl-2 Caprate, Sucrose Laurate, Aluminum Sucrose Octasulfate 0,01%, Cholesterol, Tocopheryl Linoleate, Lysolecithin, Sodium Ascorbyl Phosphate, Maltodextrin, Potassium Cetyl Phosphate 0,01%, Tromethamine 0,01%, Saccharide Hydrolysate, Asiaticoside, Asiatic Acid 0,01%, Madecassic Acid 0,01%.	bôi ngoài da	kem	hộp	50	414.000	20.700.000	

STT	Tên hàng hóa/ Thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
10	Sữa rửa mặt giúp làm sạch bụi bẩn và lớp trang điểm trên da đồng thời dưỡng ẩm cho da và làm dịu da, mang lại làn da sạch sẽ, mềm mại	Aqua [Water] 84,580%; Dicaprylyl Carbonate 4,998%; Pentylene Glycol 3,200%; Cetearyl Alcohol 1,250%; Cetearyl Glucoside 1,250%; Corylus Avellana (Hazelnut) Seed Oil 1,000%; Ethylhexyl Salicylate 1,000%; Squalane 1,000%; Sodium Lauroyl Oat Amino Acids 0,150%; Carbomer 0,400%; Xanthan Gum 0,300%; Tocopherol 0,003%; Tetrasodium EDTA 0,003%; Sodium Hydroxide 0,060%; Ethylhexylglycerin 0,001%; Phenoxylethanol 0,605%; Hexamidine Diisethionate 0,050%; BHT 0,001%; Benzyl Alcohol 0,001%; Parfum [Fragrance] 0,150%.	bôi ngoài da	Sữa	Chai	50	361.000	18.050.000	
11	Serum hỗ trợ thâm, nám và làm trắng sáng da	Aqua [Water] 82,924%; Glycerin 5,5%; Ascorbyl Glucoside 2,5%, Carnitine 2%, Galactarabinan 2%, PPG-26-Buteth-26 1%, Hydrolyzed Brassica Napus Seedcake Extract 0,075%, Caprylic/Capric Triglyceride 0,02%, PEG-40 Hydrogenated Castor Oil 0,7%, Xanthan Gum 0,4%, Alcohol 0,045%, Tocopherol 0,03%, Ascorbyl Palmitate 0,005%, Ascorbic Acid 0,001%, Tetrasodium Iminodisuccinate 0,3%, Citric Acid 0,5%, Sodium Hydroxide 0,5%, Ethylhexylglycerin 0,1%, Phenoxylethanol 0,9%, Parfum [Fragrance] 0,5%	bôi ngoài da	Gel	Hộp	150	935.750	140.362.500	
12	Viên uống hỗ trợ chống oxy hóa ngăn ngừa lão hóa da	Trong 1 viên nang cứng chứa : Phức hợp glutathion vi bao (L-glutathione; lecithin hướng dương) 250mg (chứa 100mg L-glutathion) Phức hợp vitamin C vi bao (L-ascorbic acid, lecithin hướng dương) 18mg (chứa 12mg Vitamin C)	đường uống	viên	viên	50	36.733	1.836.650	

1.3/1.4.15

STT	Tên hàng hóa/Thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
13	Kem dưỡng da, giúp cung cấp, dưỡng chất dưỡng ẩm cho da, giữ ẩm cho da giúp cải thiện tình trạng da khô, thô ráp, mang lại làn da mềm mại và mịn màng.	Water 69,55%; Hydrogenated Polydecene 4%; Simmondsia Chinensis (jojoba) seed oil 4%; Butylene Glycol 3,5%; Cyclopentasiloxane 3,4%; Glycerin 3%; Behenyl Alcohol 2%; Glyceryl Stearate 1,6%; PEG-60 Glyceryl Isostearate 1,6%; Cetyl Alcohol 1,5%; Pentyleneglycol 1,2%; Trideceth-12 0,68%; Sodium Lauroyl Lactylate 0,51%; Sorbitan Stearate 0,51%; Beeswax 0,5%; Dimethicone 0,3%; PEG-32 0,3%; PEG-6 0,3%; Hydroxypropyl Bispalmitamide MEA (Ceramide) 0,3%; Phenoxyethanol 0,3%; Carbomer 0,25%; Ethylhexylglycerin 0,2%; Cholesterol 0,1%; Linoleic Acid 0,1%; Tocopherol 0,1%; Xanthan Gum 0,1%; Sodium Hyaluronate 0,05%; Sodium Hydroxide 0,05%	Bôi ngoài da	Kem bôi da	Tuýp	150	150.000	22.500.000	
14	Water; Caprylic/Capric Triglyceride; Glycerin; Sodium Trideceth Sulphate Butyrospermum Parkii (Shea Butter); Sodium Chloride; Sodium Lauroamphacetate; Cocamide MEA; Citric Acid; Phenoxyethanol; Allantoin; Hydroxypropyl Bispalmitamide MEA (Ceramide); Cholesterol; Linoleic Acid	Water 53,298%; Caprylic/Capric Triglyceride 16%; Glycerin 10%; Sodium Trideceth Sulphate 8,624%; Butyrospermum Parkii (Shea Butter) 3%; Sodium Chloride 2,728%; Sodium Lauroamphacetate 2,618%; Cocamide MEA 1,89%; Hydroxypropyl Guar 1,092%; Citric Acid 0,3%; Phenoxyethanol 0,3%; Allantoin 0,1%; Hydroxypropyl Bispalmitamide MEA (Ceramide) 0,03%; Cholesterol 0,01%; Linoleic Acid 0,01%	Tắm	Sữa tắm	Tuýp	150	188.000	28.200.000	
15	Petrolatum; Mineral Oil; Zinc Oxide; Paraffin; Polymethyl Methacrylate; Dextrin Palmitate/Ethylhexanoate; Glyceryl Behenate; Polyglyceryl-6 Octastearate; Octenidine Hydrochloride; Hydroxypropyl Bispalmitamide MEA (Ceramide); Cholesterol; Butylene Glycol; Glycyrrhiza Glabra Root Extract	Petrolatum 47,19%; Mineral Oil 17%; Zinc Oxide 16%; Paraffin 12,55%; Polymethyl Methacrylate 3,5%; Dextrin Palmitate/Ethylhexanoate 1,5%; Glyceryl Behenate 1,5%; Polyglyceryl-6 Octastearate 0,5%; Octenidine Hydrochloride 0,1%; Hydroxypropyl Bispalmitamide MEA (Ceramide) 0,09%; Linoleic Acid 0,03%; Cholesterol 0,03%; Butylene Glycol 0,0095%; Glycyrrhiza Glabra Root Extract 0,0005%	Bôi ngoài da	Kem bôi da	Tuýp	50	88.000	4.400.000	

STT	Tên hàng hóa/ Thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
16	Petrolatum; Mineral Oil; Zinc Oxide; Paraffin; Polymethyl Methacrylate; Dextrin Palmitate/Ethylhexanoate; Glyceryl Behenate; Polyglyceryl-6 Octastearate; Octenidine Hydrochloride; Hydroxypropyl Bispalmitamide MEA (Ceramide); Linoleic Acid; Cholesterol; Butylene Glycol; Glycyrrhiza Glabra Root Extract	Petrolatum 47,19%; Mineral Oil 17%; Zinc Oxide 16%; Paraffin 12,55%; Polymethyl Methacrylate 3,5%; Dextrin Palmitate/Ethylhexanoate 1,5%; Glyceryl Behenate 1,5%; Polyglyceryl-6 Octastearate 0,5%; Octenidine Hydrochloride 0,1%; Hydroxypropyl Bispalmitamide MEA (Ceramide) 0,09%; Linoleic Acid 0,03%; Cholesterol 0,03%; Butylene Glycol 0,0095%; Glycyrrhiza Glabra Root Extract 0,0005%	Bôi ngoài da	Kem bôi da	Tuýp	50	288.000	14.400.000	
17	Water; Hydrogenated Polydecene; Propylene Glycol; Lactobionic Acid; Behenyl Alcohol PEG-20 Methyl Glucose Sesquisteate; Glycerin; Hydroxypropyl Bispalmitamide MEA (Ceramide); Myristyl Alcohol; Polyacrylate-1 Crosspolymer; Methyl Glucose Sesquisteate; Citric Acid; Cholesterol; Linoleic Acid; Phenoxylethanol; Ethylhexylglycerin; Sodium Hydroxide; Zinc Oxide	Water 42,833%; Hydrogenated Polydecene 20%; Propylene Glycol 17,5%; Lactobionic Acid 4,92%; Behenyl Alcohol 4%; PEG-20 Methyl Glucose Sesquisteate 3,2%; Glycerin 2%; Hydroxypropyl Bispalmitamide MEA (Ceramide) 1%; Myristyl Alcohol 1%; Polyacrylate-1 Crosspolymer 0,922%; Methyl Glucose Sesquisteate 0,8%; Citric Acid 0,375%; Cholesterol 0,33%; Linoleic Acid 0,33%; Phenoxylethanol 0,3%; Ethylhexylglycerin 0,2%; Sodium Hydroxide 0,19%; Zinc Oxide 0,1%	Bôi ngoài da	Kem bôi da	Tuýp	150	269.500	40.425.000	
18	Water; Hydrogenated Polydecene; Butylene Glycol; Cyclopentasiloxane; Behenyl Alcohol; Hydroxypropyl Bispalmitamide MEA (Ceramide); Cetyl Alcohol; Glycerin; Simmondsia Chinensis (Jojoba) Seed Oil; PEG-60 Glyceryl Isostearate; Glyceryl Stearate; Linoleic Acid; Cholesterol; Pentylene Glycol; Beeswax; Squalane; Trideceth-12; Sodium Lauryl Lactylate; Sorbitan Stearate; Dimethicone; PEG-6; PEG-32; Phenoxylethanol; Carbomer; Xanthan Gum; Ethylhexylglycerin; Tocopherol; Sodium Hydroxide	Water 67,41%; Hydrogenated Polydecene 3,9997%; Butylene Glycol 3,5%; Cyclopentasiloxane 3,4%; Behenyl Alcohol 3,4%; Hydroxypropyl Bispalmitamide MEA (Ceramide) 3,32%; Cetyl Alcohol 3%; Glycerin 1,25%; Simmondsia Chinensis (Jojoba) Seed Oil 1,2%; PEG-60 Glyceryl Isostearate 1,15%; Glyceryl Stearate 1,15%; Linoleic Acid 1,11%; Cholesterol 1,11%; Pentylene Glycol 0,7%; Beeswax 0,6%; Squalane 0,6%; Trideceth-12 0,5%; Sodium Lauryl Lactylate 0,3%; Sorbitan Stearate 0,3%; Dimethicone 0,3%; PEG-6 0,3%; PEG-32 0,3%; Phenoxylethanol 0,3%; Carbomer 0,2%; Xanthan Gum 0,2%; Ethylhexylglycerin 0,1998%; Tocopherol 0,1005%; Sodium Hydroxide 0,1%	Bôi ngoài da	Kem bôi da	Tuýp	250	99.000	24.750.000	

STT	Tên hàng hóa/ Thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
19	Aqua + Cocamidopropyl Betaine + Sodium Lauryl Methyl Isethionate + Cottonseed Oil Glycereth-8 Esters + Sodium Methyl Oleoyl Taurate + Lauryl Glucoside + Coco-Glucoside + Glycerin + Phenoxxyethanol + Panthenol + Sodium Chloride + Sodium Benzoate + Ethylhexylglycerin	80,681 + 5,09 + 3,45 + 2,91 + 2,07 + 1,15 + 1,15 + 0,995 + 0,915 + 0,75 + 0,48 + 0,274 + 0,085	Dùng ngoài da	Gel	Chai	100	510.545	51.054.545	
20	Aqua + Caprylic/Capric Triglyceride + Polyglyceryl-3 Cetyl Ether Oliviate/Succinate + Propanediol + Lactobacillus Ferment + Glyceryl Stearate + Gossypium Herbaceum Seed Oil + Butyrospermum Parkii Butter + Panthenol + Olea Europaea Fruit Oil (Olea Europaea (Olive) Oil) + Hydrogenated Ethylhexyl Oliviate + 1,2-Hexanediol + Xylitylglycoside + Anhydroxylitol + Sodium Stearoyl Glutamate + Sodium Citrate + Tocopheryl Acetate + Sodium Benzoate + Xylitol + Hydrogenated Olive Oil Unsaponifiables + Citric Acid + Glucose + Lactic Acid	58,19 + 5 + 5 + 5 + 4,9375 + 3,5 + 3 + 2,5 + 2,25 + 2 + 1,651 + 1,5 + 1,2 + 0,84 + 0,8 + 0,5 + 0,5 + 0,49 + 0,36 + 0,349 + 0,25 + 0,12 + 0,0625	Dùng ngoài da	Kem	Tuýp	100	338.727	33.872.727	
21	Aqua + Lactobacillus Ferment + Coco-Glucoside + Propanediol + Coco-Betaine + Xanthan Gum + Panthenol + Sodium Citrate + Phenethyl Alcohol + Xylitylglycoside + Citric Acid + Caprylic Glycol + Anhydroxylitol + Lactic Acid + Xylitol + Glucose	70,04 + 9,875 + 6,38 + 5 + 4,47 + 1 + 0,75 + 0,5 + 0,406 + 0,4 + 0,32 + 0,294 + 0,28 + 0,125 + 0,12 + 0,04	Dùng tắm gội	Gel	Chai	100	476.182	47.618.182	
22	Serum hỗ trợ giúp làm điều trị nám làm sáng da	Propylene Glycol 22,662%, Caprylic Mithicone 19,2%, Cyclopentasiloxane 10,8%, Trisiloxane 10,02%, Aqua/Water 9,24%, Glycerin 7,554%, Niacinamide 5%, PEG-12 Dimethicone/PPG-20 Crosspolymer 4,8%, Lactobionic Acid 4%, Tranexamic Acid 2%, Myristyl Alcohol 1,5%, Dimethicone Crosspolymer 1,2%, Lactic Acid 0,54%, Phenoxxyethanol 0,5%, Carbomer 0,4%, Sodium Chloride 0,384%, Sodium Metabisulfite 0,2%	Dùng ngoài	Kem, nhũ tương, sữa, gel hoặc dầu dùng trên da (mặt, tay, chân,...)	Lọ	50	1.080.000	54.000.000	

STT	Tên hàng hóa/ Thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
23	Kem dưỡng da, giúp cung cấp, dưỡng chất dưỡng ẩm cho da, giữ ẩm cho da giúp cải thiện tình trạng da khô, thô ráp, mang lại làn da mềm mại và mịn màng	Aqua/Water 87.4620%, Propylene Glycol 3.0000%, Myristyl Myristate 2.5000%, PEG- 8 Distearate 1.7500%, PEG- 40 Stearate 1.0000%, Glyceryl Stearate 0.8750%, PEG- 100 Stearate 0.8750%, Sorbitan Stearate 0.5000%, Cetyl Alcohol 0.5000%, Carbomer 0.3800%, Triethanolamine 0.3200%, Diazolidinyl Urea 0.3000%, Hydroxyethylcellulose 0.2000%, Methylparaben 0.2000%, Propylparaben 0.1000%, Tetrasodium EDTA 0.0380%	Dùng ngoài	Kem, nhũ tương, sữa, gel hoặc dầu dùng trên da (mặt, tay, chân,...)	Tuýp	100	467.345	46.734.500		
24	Sữa rửa mặt, giúp làm sạch bụi bẩn và lớp trang điểm trên da, đồng thời giúp dưỡng ẩm cho da và làm dịu da, mang lại làn da sạch sẽ, mềm mại	Aqua/Water 84.67798%, TEA-Lauryl Sulfate 4.8%, Glycolic Acid 4%, Hydroxyethylcellulose 1.5%, Ammonium Hydroxide 1.5%, Ethoxydiglycol 1%, PEG-75 Lanolin 0.75%, Alpha-Glucan Oligosaccharide 0.5%, C12-15 Alkyl Benzoate 0.45%, Potassium Sorbate 0.2%, Parfum/ Fragrance 0.15%, Panthenol 0.1%, Glycerin 0.09%, Allantoin 0.079%, Maltodextrin 0.06%, Chlorphenesin 0.06%, Tetrasodium EDTA 0.038%, Aloe Barbadensis Leaf Juice 0.015%, Macrocystis Pyrifera Extract 0.015%, Sodium Hydroxide 0.015%, CI 19140/Yellow 5 0.00001%, CI 42090/Blue 1 0.00001%	Dùng ngoài	Kem, nhũ tương, sữa, gel hoặc dầu dùng trên da (mặt, tay, chân,...)	Chai	25	662.727	16.568.175		
25	Sản phẩm làm mờ sẹo lõm, các vết thâm do mụn để lại giúp da đều màu và trắng sáng	Aqua/Water 61.3864%, Butyrospermum Parkii/Shea Butter 5%, Caprylic/ Capric Triglyceride 4.4%, Dimethicone 4%, Squalane 4%, Methyl Glucose Sesquistearate 3.5%, Glycerin 3.4%, Glyceryl Stearate 1.5%, PEG-100 Stearate 1.5%, Tocopheryl Acetate 1.5%, Panthenol 1%, Retinyl Palmitate/ Carrot Polypeptide 1%, Pentylene Glycol 1%, Stearyl Alcohol 0.6%, Cholesterol 0.48%, Butylene Glycol 0.48%, Cetyl Alcohol 0.48%, Phenoxylethanol 0.4%, Allantoin 0.4%, Acrylates/C10-30 Alkyl Acrylate Crosspolymer 0.4%, Ethylhexylglycerin 0.4%, Chlorphenesin 0.3%, Carbomer 0.3%, Epilobium Angustifolium Flower/Leaf/ Stem Extract 0.3%, Bisabolol 0.1996%, Benzyl Alcohol 0.16%, Stearic Acid 0.16%, Sodium Benzoate 0.15%, Potassium Sorbate 0.15%, Disodium EDTA 0.1%, Tetrahexyldecyl Ascorbate 0.1%, Stearyl Glycyrrhetinate 0.1%, Laminaria Ochroleuca Extract 0.1%, Sodium Hydroxide 0.1%, Maltodextrin 0.1%, Salicylic Acid 0.06%, Benzoic Acid 0.06%, Dehydroacetic Acid 0.06%, Hydroxyphenyl Propamidobenzoic Acid 0.039%, Benzethonium Chloride 0.038%, Sodium Hyaluronate 0.025%, Aloe Barbadensis Leaf Juice 0.025%, Methylsilanol Mannuronate 0.025%, Ascorbyl Palmitate 0.001%, Sorbic Acid 0.001%	Dùng ngoài	Kem, nhũ tương, sữa, gel hoặc dầu dùng trên da (mặt, tay, chân,...)	Tuýp	50	583.200	29.160.000		

STT	Tên hàng hóa/ Thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
26	Serum hỗ trợ thâm, nám và làm trắng sáng da	Water 68.8250%, Butylene Glycol 12.0000%, Glycerin 7.5000%, Propanediol 5.0000%, Bis-Glycerol Ascorbate 5.0000%, 1,2-Hexanediol 1.0000%, Xanthan Gum 0.3000%, Ethylhexylglycerin 0.2000%, Citric Acid 0.1000%, EDTA 0.0500%, Sodium Hydroxide 0.0250%	Dùng ngoài	Kem, nhũ tương, sữa, gel hoặc dầu dùng trên da (mặt, tay, chân,...)	Chai	50	1.686.764	84.338.200	
27	Water (Aqua) + Ethylhexyl Methoxycinnamate + Bis-Ethylhexyloxyphenol Methoxyphenyl Triazine + Potassium Cetyl Phosphate + Diethylamino Hydroxybenzoyl Hexyl Benzoate + Benzophenone-3 + Cetyl Alcohol + Propylene Glycol + Titanium Dioxide + Mineral Oil + Isopropyl Myristate + C12-15 Alkyl Benzoate + Zinc Oxide + Dimethicone + Palmitic Acid + Stearic Acid + Cetyl Palmitate + Carbomer + Panthenol + Triethanolamine + Phenoxethanol + Methylparaben + Magnesium Ascorbyl Phosphate + Tocopheryl Acetate + Ginkgo Biloba Leaf Extract + Camellia Sinensis (Green Tea) Leaf Extract + Glycerin + Butylene Glycol + Ethylhexylglycerin + Imidazolidinyl Urea + Ethylparaben + Propylparaben+ Fragrance (Parfum) +Linalool	53,895%+ 6,3%+ 4,7%+ 4,3%+ 4,2%+ 4,1%+ 3,7%+ 3,9%+ 3,6%+ 2,7%+ 2,5%+ 1,5%+ 0,87%+ 0,55%+ 0,25%+ 0,35%+ 0,4%+ 0,5%+ 0,3%+ 0,5%+ 0,3%+ 0,2%+ 0,07%+ 0,05%+ 0,07%+ 0,03%+ 0,05%+ 0,03%+ 0,015%+ 0,02%+ 0,02%+ 0,02%+ 0,005%+ 0,005%	Dùng ngoài	Kem chống nắng	Tuýp	50	715.745	35.787.273	

STT	Tên hàng hóa/ Thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
28	Serum hỗ trợ giúp làm điều trị nám làm sáng da Water (Aqua) + Glyceryl Stearate + Isopropyl Myristate + Caprylic/ Capric Triglyceride + Cetyl Alcohol + PEG-100 Stearate + Vaccinium Myrtillus Fruit Extract + Propylene Glycol + Cetearyl Ethylhexanoate + Saccharum Officinatum (Sugar Cane) Extract + Lactic Acid + Glycolic Acid + Hydrolyzed Silk + Tetrasodium EDTA + Phenoxethanol + Imidazolidinyl Urea + Salicylic Acid + Acer Saccharum (Sugar Maple) Extract + Citrus Aurantium Dulcis (Orange) Fruit Extract + Citrus Limon (Lemon) Fruit Extract + Fragrance (Parfum), Alpha Isomethyl Ionone, Benzyl Salicylate, Butylphenyl Methylpropional, Citronellol, Eugenol, Hexyl Cinnamal, Hydroxycitronellal, Linalool) + Butylene Glycol + Sodium Chloride + Ethylhexylglycerin + Retinol + Magnesium Ascorbyl Phosphate + Glycerin + Camellia Sinensis (Green Tea) Leaf Extract	54,617%+ 8,95%+ 7,42%+ 5,83%+5,5%+ 5,1%+ 3,28%+3,14%+ 1,2%+ 1,12%+0,8%+ 0,5%+ 0,49%+ 0,29%+ 0,28%+ 0,274%+ 0,27%+ 0,25%+0,22%+ 0,21%+0,1%+ 0,009%+ 0,007%+ 0,05%+ 0,014%+ 0,01%+0,005%+0,001%	Dùng ngoài	Kem	Hộp	15	1.993.091	29.896.365	
29	Kem dưỡng da, giúp cung cấp dưỡng chất dưỡng ẩm cho da, giữ ẩm cho da giúp cải thiện tình trạng da khô, thô ráp, mang lại làn da mềm mại và mịn màng Aqua + Glycerin + Stearic Acid + Mineral Oil (Paraffinum Liquidum) + Sorbitol + Cetearyl Alcohol + Triethanolamine + Phenoxethanol + Imidazolidinyl Urea + Triticum Vulgare (Wheat) Germ Oil + Tetrasodium EDTA + p-Chloro-m-Cresol +Piroctone Olamine	74,41% + 10% + 5% + 4% + 3,5% + 1,8% + 0,6% + 0,293% + 0,2% + 0,1% + 0,05% + 0,03% + 0,02%	Dùng ngoài	Kem	Tuýp	150	223.855	33.578.182	

STT	Tên hàng hóa/ Thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
30	Serum hỗ trợ thâm, nám và trắng sáng da Water (Aqua) +Cetyl Alcohol + Isopropyl Myristate + Isononyl Isononandate + Cetearyl Alcohol + Ethylhexyl Methoxycinnamate + Niacinamide + Palmitic Acid +Stearic Acid + Propylene Glycol + Saxifraga Sarmientosa Extract +Vitis Vinifera (Grape) Fruit Extract +Ethylhexyl Isononanoate +Triethanolamine+Methyl Methacrylate +Crosspolymer + Glyceryl Stearate + Caprylic/Capric Triglyceride + Butylene Glycol+ Polyacrylate-13 + PEG-100 Stearate +Phenoxyethanol + Cetearyl Glucoside +Sodium Ascorbyl Phosphate +Fragrance (Parfum) + Benzyl Benzoate +Citral + Geraniol + Hexyl Cinnamal + Limonene +Linalool + Dimethicone +Imidazolidinyl Urea +Morus Bombycis Root Extract +Scutellaria Baicalensis Root Extract + Disodium EDTA + 4-Butylresorcinol + Cetyl Palmitate +Polyisobutene + Ethylhexylglycerin +Polysorbate 20 +Kojic Acid	61,919%+ 4,99%+ 2,6%+ 2,4%+ 2,4%+ 2%+ 2%+ 1,99%+ 1,88%+1 1,78%+ 1,72%+ 1,71%+1,5%+ 1%+ 1%+ 0,91%+ 0,9%+1 0,83%+ 0,71%+ 0,7%+ 0,66%+ 0,6%+ 0,5%+ 0,07%+ 0,07%+ 0,07%+ 0,07%+ 0,07%+ 0,5%+ 0,4%+ 0,3%+ 0,3%+ 0,3%+ 0,3%+ 0,299%+ 0,256%+ 0,08%+ 20 0,056%+ 0,01%.	Dùng ngoài	Kem	Hộp	25	2.395.636	59.890.909	
31	Glycerin, Sorbitol, Acid citric Water (Aqua) + Sodium Laureth Sulfate +Ammonium Lauryl Sulfate + Cocamidopropyl Betaine + Glycerin + Cocamide MEA + Styrene/Acrylates Copolymer + Sorbitol + Sodium Chloride + PEG-7 Glyceryl Cocoate + Propylene Glycol + Citric Acid + Panthenol + Sodium Benzoate + Triticum Vulgare (Wheat) Germ Oil + Magnesium Chloride + Tetrasodium EDTA + Magnesium Nitrate + Methylchloroisothiazolinone + Methylisothiazolinone	77,09595%+7%+2,1%+2,1%+ 5,82075%+2,5%+0,4%+1,365%+0,85%+0,5%+0,126%+0,001%+ 0,05%+0,0335%+0,0028%+0,0015%+0,05%+0,0005%+0,001125% +0,000375%	Dùng ngoài	Sữa tắm	Chai	50	390.764	19.538.182	

STT	Tên hàng hóa/ Thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
32	Glycerin, Vitamin E và các acid béo từ dầu Olive, Dimethicone, Betain, Urea Water (Aqua) 69,6925%; Glycerin 10,5%; Olea Europaea (Olive) Fruit Oil 7,5%; Cetearyl Alcohol 7,4%; Dimethicone 2,5%; Mineral Oil (Paraffinum Liquidum) 1%; Sodium Laureth Sulfate 0,31%; Sodium Cetearyl Sulfate 0,3%; Methylparaben 0,25%; Imidazolidinyl Urea 0,2%; BHT 0,1%; Disodium EDTA 0,1%; Propylparaben 0,1%; Fragrance (Parfum) 0,1%	69,6925%+10,5%+7,5%+7,4%+2,5%+1%+0,31%+0,3%+0,25%+0,2%+0,1%+0,1%+0,1%+0,1%	Dùng ngoài	Kem	Tuýp	100	257.727	25.772.727	
33	Nước tinh khiết, Ascorbic acid (Vitamin C), Potassium Azeloyl Diglycinate, Tranexamic Acid, Carbomer, Glycolic acid, Potassium Sorbate, Sodium Hydroxide, Tocopherol (Vitamin E), Ubiquinone (Coenzyme 10), EDTA		Ngoài da	Gel	Hộp	200	230.000	46.000.000	
34	Purified water, Carbomer, Sodium chloride, Allantoin, EDTA, Sodium hypochloride, Hypochlorous acid	Purified water, Carbomer, Sodium chloride, Allantoin, EDTA, Sodium hypochloride, Hypochlorous acid	Ngoài da	Gel	Hộp	200	230.000	46.000.000	
35	CETAPHIL PRO AD DERMA SKIN RESTORING WASH	295ml	Dùng ngoài	Dạng sữa	Chai	150	349.700	52.455.000	
36	CETAPHIL PRO AD DERMA SKIN RESTORING MOISTURIZER	295ml	Dùng ngoài	Dạng sữa	Chai	150	524.600	78.690.000	
37	CETAPHIL MOISTURISING CREAM	50g	Dùng ngoài	Dạng kem	Hộp	150	123.700	18.555.000	

STT	Tên hàng hóa/ Thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
38	LIPIKAR BAUME AP+M TRIPLE-ACTION BALM ANTI-ITCHING, REPAIRING, IMMEDIATE SOOTHING	Aqua 50,8925% + Butyrospermum Parkii Butter / Shea Butter 19,9998% + Glycerin 8% + Dimethicone 4,88% + Niacinamide 4% + Cetearyl Alcohol 2% + Brassica Campestris Seed Oil 2% + Glyceryl Stearate 1,8% + Ammonium Polyacryloyldimethyl Taurate 1,3% + Peg-100 Stearate 1% + Propanediol 1% + Ophiopogon Japonicus Root Extract 0,0355% + Peg-20 Methyl Glucose Sesquistearate 0,4999% + Sorbitan Tristearate 0,7% + Dimethiconol 0,12% + Sodium Chloride 0,0325% + Mannose 0,5% + Coco-Betaine 0,15% + Disodium Edta 0,099% + Capryloyl Glycine 0,5% + Caprylyl Glycol 0,2% + Vitreoscilla Ferment 0,0085% + Citric Acid 0,0002% + Maltodextrin 0,012% + Xanthan Gum 0,2% + Tocopherol 0,0001% + Pentaerythrityl Tetra-Di-T-Butyl Hydroxyhydrocinnamate 0,07%	Dùng ngoài da	Kem	Tuýp	150	224.934	33.740.100	
39	CETAPHIL GENTLE SKIN CLEANSER	125ml	Dùng ngoài	Dạng sữa	Chai	150	125.300	18.795.000	
40	CETAPHIL BABY WASH & SHAMPOO WITH ORGANIC CALENDULA	230ml	Dùng ngoài	Dạng sữa	Chai	150	149.000	22.350.000	
41	LIPIKAR SYNDET AP+	Aqua / Water 63,0024% + Glycerin 13,0000% + Sodium Laureth Sulfate 7,0000% + Peg-200 Hydrogenated Glyceryl Palmate 3,8610% + Coco-Betaine 3,2100% + Polysorbate 20 2,5000% + Peg-7 Glyceryl Cocoate 1,0530% + Niacinamide 1,0000% + Acrylates Copolymer 0,9000% + Butyrospermum Parkii Butter / Shea Butter 0,1000% + Citric Acid 1,2000% + Cocamide Mea 0,2000% + Disodium Edta 0,2475% + Mannose 0,0100% + Polyquaternium-11 0,0700% + Sodium Benzoate 0,5000% + Sodium Chloride 0,6955% + Sodium Hydroxide 0,6900% + Vitreoscilla Ferment 0,0106%	Dùng ngoài da	Gel	Tuýp	150	387.818	58.172.700	
42	Sản phẩm giúp làm mờ sẹo lõm, các vết thâm do mụn để lại giúp da đều màu và trắng sáng	10g	Ngoài da	Gel	Tuýp	150	230.320	34.548.000	
43	Sản phẩm giúp làm mờ sẹo lõm, các vết thâm do mụn để lại giúp da đều màu và trắng sáng	10g	Ngoài da	Gel	Tuýp	150	230.321	34.548.150	

STT	Tên hàng hóa/ Thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
44	Water, Cocamidopropyl Betaine, Sodium Lauryl Sulfate, Ammonium Lauryl Sulfate, Lauramide MEA, Caramel, Propylwaterium-10, 1,2-Hexanediol, Allantoin, Climbazole, Sodium Benzoate, Salicylic Acid, Selenium Seulfide, Disodium EDTA, Butylene Glycol, Phenoxyethanol	Cocamidopropyl Betaine, 1,2-Hexanediol	Dùng ngoài da	Sữa	Hộp	150	411.000	61.650.000	
45	Aqua, Polyglyceryl-3 Methylglucose Distearate, Glycerin, Glyceryl Stearate, Octyldodecanol, Urea, Borago Officinalis Seed Oil, Butyrospermum Parkii Butter, Canola Oil, Cetearyl Alcohol, Dicaprylyl Carbonate, Isostearyl Isostearate, Hydrogenated Coco - Glycerides, Inulin, Hydroxyacetophenone, Helianthus Annuus Seed Oil, Sodium Polyacrylate, Tocopheryl Acetate, 1,2-Hexanediol, Caprylyl Glycol, Ribes Nigrum Seed Oil, Alpha - Glucan Oligosaccharide, Xanthan Gum, Caprylic/ Capric Triglyceride, Sodium Acrylates Copolymer, Disodium EDTA, Zea Mays Oil, Sesamum Indicum Seed Oil, Macadamia Integrifolia Seed Oil, Olea Europaea Fruit Oil, Cardiospermum Halicacabum Flower/Leaf/Vine extract, Rosmarinus Officinalis Leaf Extract, Helianthus Annuus Seed Oil Unsaponifiables	68,4093%; 4%; 3%; 3%; 2,169%; 2%; 2%; 2%; 2%; 2%; 1,5%; 0,8%; 0,5%; 0,36%; 0,3%; 0,25%; 0,25%; 0,25%; 0,2%; 0,15%; 0,125%; 0,125%; 0,1%; 0,1%; 0,04%; 0,0357%; 0,024%; 0,01%; 0,001%; 0,001%.	Bôi ngoài da	Kem	Tuýp	150	345.000	51.750.000	
46	Glycine Soja Oil, Isopropyl Palmitate, Caprylic/Capric Triglyceride, C12-13 Pareth-3, PEG-40 Sorbitan Peroleate, Helianthus Annuus Seed Oil, Octyldodecanol, Borago Officinalis Seed Oil, Linum Usitatissimum Seed Oil, Tocopheryl Acetate, Ribes Nigrum Seed Oil, Zea Mays Oil, Citric Acid, Sesamum Indicum Seed Oil, PEG-8, Macadamia Integrifolia Seed Oil, Olea Europaea Fruit Oil, Tocopherol, Cardiospermum Halicacabum Flower/Leaf/Vine Extract, Ascorbyl Palmitate, Ascorbic Acid, Rosmarinus Officinalis Leaf Extract, TBHQ	70%; 7,9%; 7%; 5%; 2,36%; 0,669%; 0,5%; 0,5%; 0,5%; 0,25%; 0,1%; 0,04%; 0,0357%; 0,035%; 0,034%; 0,03%; 0,029%; 0,01%; 0,0048%; 0,0012%; 0,001%; 0,0003%	Bôi ngoài da	Dầu	Chai	150	445.000	66.750.000	

STT	Tên hàng hóa/ Thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
47	Aqua, Sodium lauroyl sarcosinate, Caprylic/Capric Triglyceride, Urea, Ceteary alcohol, Glyceryl Stearate, Cocamidopropyl Betaine, Glyceryl Stearate Citrate, Oleyl Erucate, Pentaerythrityl Distearate, Propanediol, 1,2-Hexanediol, Octyldodecanol, Sodium Benzoate, Acrylates/C10-30 Alkyl Acrylate Crosspolymer, Inulin, Ribes Nigrum Seed Oil, Alpha-Glucan Oligosaccharide, Disodium EDTA, Lactic Acid, Xanthan Gum, Helianthus Annuus Seed Oil, Zea Mays Oil, PEG-8, Tocopherol, Sesamum Indicum Seed Oil, Macadamia Integrifolia Seed Oil, Cardiospermum Halicacabum Flower/Leaf/Vine Extract, Ascorbyl Palmitate, Rosmarinus Officinalis Leaf Extract, Ascorbic Acid, Citric Acid, TBHQ	56,55%; 10%; 5%; 5%; 3%; 2,5%; 2%; 2%; 2%; 2%; 1,5%; 0,669%; 0,6%; 0,4%; 0,25%; 0,2%; 0,2%; 0,2%; 0,2%; 0,16%; 0,044%; 0,0335%; 0,0225%; 0,01788%; 0,01%; 0,003%; 0,001%; 0,0005%; 0,00012%	Bôi ngoài da	Sữa	Tuýp	150	535.000	80.250.000	
48	Water, Glycerin, Propylene Glycol, Alcohol, Sodium Hyaluronate, Allantoin, Betaine, Sorbitan Sesquileate, Chamaecyparis Obtusa Water, Disodium EDTA, Houttuynia Cordata Extract, Glycyrrhiza Uralensis (Licorice) Root Extract, Chlorophenesin, Citrus Paradisi (Grapefruit) Fruit Extract, Illicium Verum (Anise) Fruit Extract, Nelumbium Speciosum Flower Extract, Paeonia Suffruticosa Root Extract, PEG-60 Hydrogenated Castor Oil, Scutellaria Baicalensis Root Extract, Artemisia Princeps Leaf Extract, Caprylic/Capric Triglyceride, Ceramide NP, Cetyl Alcohol, Citric Acid, Panax Ginseng Root Extract, Phragmites Communis Extract, Piper Methysticum Leaf/Root/Stem extract, Salicornia Herbacea Extract, Butyl Avocado, Hydroxyethylcellulose, Carbomer, Farnesol, Farnesyl Acetate, Panthenyl Triacetate, PEG-12 Glyceryl Laurate, PEG-36 Castor Oil, Triethanolamine, Fragrance, Guaiazulene, Retinyl Palmitate.	77,163%; 5%; 5%; 3%; 2,5%; 1%; 1%; 0,8%; 0,5%; 0,5%; 0,5%; 0,5%; 0,2%; 0,2%; 0,2%; 0,2%; 0,2%; 0,2%; 0,1%; 0,1%; 0,1%; 0,1%; 0,1%; 0,1%; 0,02%; 0,02%; 0,02%; 0,02%; 0,02%; 0,01%; 0,005%; 0,001%; 0,001%.	Bôi ngoài da	Gel	Tuýp	150	265.000	39.750.000	

100

STT	Tên hàng hóa/ Thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Culture Extract, Vitis Vinifera (Grape) Callus Culture Extract.								
51	Water, Caprylic/Capric Triglyceride, Glycerin, Butylene Glycol, Cyclopentasiloxane 2, Hydrogenated Polyisobutene 2, Squalane, Butyrospermum Parkii (Shea) Butter, Dimethicone, Glyceryl Stearate, Oenothera Biennis (Evening Primrose) Oil, 1,2-Hexanediol, Bis-PEG-15 Methyl Ether Dimethicone, Sorbitan Sesquioleate, Polyglyceryl-10 Laurate, Propanediol, Ethylhexylglycerin, Sodium Acrylate/Sodium Acryloyldimethyl Taurate Copolymer, Hydrogenated Olive Oil Unsaponifiables, Isohexadecane, Sodium Chloride, Hydroxyethylcellulose, Allantoin, Arginine, Tocopheryl Acetate, Polysorbate 80, Sodium Hyaluronate, Sorbitan Oleate, Hydrogenated Lecithin, Aloe Barbadensis Leaf Extract, Althaea Rosea Flower Extract, Centella Asiatica Leaf Extract, Ceramide NP, Portulaca Oleracea Extract, Disodium Phosphate, Polysorbate 60, Nelumbo Nucifera Callus Culture Extract, Sodium	73.3773%; 5.5%; 5.017%; 3.1301%; 2%; 2%; 1.84%; 1%; 1%; 1%; 1%; 0.5464%; 0.5%; 0.5%; 0.25%; 0.2%; 0.1875%; 0.16%; 0.1125%; 0.1%; 0.0989%; 0.05%; 0.05%; 0.05%; 0.0375%; 0.02%; 0.0125%; 0.004%; 0.001%; 0.001%; 0.001%; 0.001%; 0.001%; 0.0005%; 0.0005%; 0.0001%; 0.0001%; 0.0001%;	Bôi ngoài da	Kem	Tuýp	150	380.000	57.000.000	

STT	Tên hàng hóa/ Thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Phosphate, Vitis Vinifera (Grape) Callus Culture Extract.								
52	Water, Butylene Glycol, Glycerin, Caprylic/Capric Triglyceride, Urea, 1,2 Hexanediol, Betaine, Olea Europaea (Olive) Fruit Oil, Butyrospermum Parkii (Shea) Butter, Cetearyl Alcohol, Glyceryl Stearate, Simmondsia Chinensis (Jojoba) Seed Oil, Stearic Acid, Hydrogenated Lecithin, Arginine, Carbomer, Ethylhexylglycerin, Tocopheryl Acetate, Behenic acid, Citric Acid, Salicylic Acid, Sodium Chloride, Xanthan Gum, Behenyl alcohol, Stearyl alcohol, Sodium Acrylate/Sodium Acryloyldimethyl Taurate Copolymer, Allantoin, Ceramide NP, Isohexadecane, Sodium Citrate, Sodium Hyaluronate, Myristic acid, Polysorbate, Centella Asiatica Leaf Extract, Portulaca Oleracea Extract, Sorbitan Oleate.	64,88%; 8,15%; 5,375%; 5%; 5%; 2,06%; 2%; 1,5%; 1%; 1%; 1%; 1%; 0,55%; 0,385%; 0,2%; 0,15%; 0,1%; 0,1%; 0,075%; 0,06%; 0,05%; 0,05%; 0,04%; 0,04%; 0,0375%; 0,03%; 0,025%; 0,0225%; 0,02%; 0,02%; 0,01%; 0,0075%; 0,005%; 0,0025%; 0,0025%.	Bôi ngoài da	Kem	Chai	150	445.000	66.750.000	
53	Water, Cyclopentasiloxane, Butylene Glycol, Ethylhexyl Methoxycinnamate, Cetyl Ethylhexanoate, Titanium Dioxide, Betaine, Dimethicone, Caprylic/Capric Triglyceride, Niacinamide, Polysorbate 60, Sodium Chloride, Zinc Oxide, Cetyl PEG/PPG-10/1 Dimethicone, Hydrogenated Lecithin, Aluminum Hydroxide, CI 77492, Diethylamino Hydroxybenzoyl Hexyl Benzoate, Isoamyl p-Methoxycinnamate, Quaternium-18 Bentonite, Stearic Acid, Bis-Ethylhexyloxyphenol Methoxyphenyl Triazine, CI 77491, Silica, Chlorphenesin, CI 77499, Tocopheryl Acetate, Talc, Fragrance, Phytosteryl/Octyldodecyl Lauroyl Glutamate, Behenic Acid, Allantoin, Adenosine, Hydrogen Dimethicone, Triethoxycaprylylsilane, Sodium DNA, 1,2-Hexanediol, BHT, Lauroyl Lysine, Centella Asiatica Leaf Extract, Sodium Hyaluronate, sh-Oligopeptide-1	42,39%; 9%; 8,02%; 7,49475%; 6,5%; 6,051%; 5%; 2,069%; 2%; 2%; 1,5%; 1%; 0,97%; 0,8%; 0,56%; 0,525%; 0,5044%; 0,5%; 0,5%; 0,5%; 0,425%; 0,2522%; 0,23%; 0,2%; 0,1164%; 0,1%; 0,097%; 0,08%; 0,08%; 0,06%; 0,05%; 0,04%; 0,03%; 0,027%; 0,01%; 0,006002%; 0,00525%; 0,003%; 0,001%; 0,001%; 0,000000002%.	Bôi ngoài da	Kem	Tuýp	150	450.000	67.500.000	

STT	Tên hàng hóa/ Thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
54	Aqua, Cetearyl Alcohol, Glyceryl Stearate, PEG-40 Stearate, Ceteareth-20, Cetyl Alcohol, Hydrogenated Polydecene, Simmondsia chinensis seed oil, BHT, C12-C15 Alkyl benzoate (Sterol B125), EDTA, Glycereth-26, Glycerin, Aloe Barbadensis Leaf Extract, Vincetoxicum Atratum Root Extract, Ethoxydiglycol 1%, Lactobacillus Ferment, 1,2-Hexanediol, Butylene glycol, Xanthan gum, Urea, Allantoin, Sodium Acrylate/Sodium Acryloyldimethyl Taurate Copolymer, Illicium Verum Fruit Extract, Scutellaria Baicalensis Root Extract, Tocopherol, Sodium lactate 0,3%, Perfume	1%; 0,3%	Bôi ngoài da	Kem	Tuýp	150	245.000	36.750.000	

Tổng khoản: 54 khoản

Tổng giá trị: 2.473.265.067 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ bốn trăm bảy mươi ba triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm sáu mươi bảy đồng./.)